

Số: 95/CBTT-DVP

Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ

- Mã chứng khoán: DVP

- Địa chỉ: Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng

- Điện thoại liên hệ: 0225.3769.992 Fax: 0225.3769.992

2. Nội dung thông tin công bố: Công văn số 95/CBTT-DVP ngày 25/3/2024:  
Báo cáo thường niên năm 2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 25/3/2024 tại đường dẫn:

<https://dinhvuport.com.vn/vn/quan-he-co-dong/bao-cao-thuong-nien/2024>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *HS*

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo thường niên năm 2023.



TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Cao Văn Tĩnh

Số: 04 /BCTN-DVP

Hải Phòng, ngày 15 tháng 3 năm 2024

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN** **Năm 2023**

Kính gửi : Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
: Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

### **I. Thông tin chung**

#### **1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200511481;
- Vốn điều lệ: 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỉ đồng);
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỉ đồng);
- Địa chỉ: Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
- Số điện thoại: 0225.3.769.992;
- Số fax : 0225.3.769.992;
- Website: dinhvuport.com.vn;
- Mã cổ phiếu: DVP;
- Quá trình hình thành và phát triển:

+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được thành lập theo Quyết định số 990/QĐ-TGD ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam;

+ Ngày 19 tháng 12 năm 2002 Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ngày 14/01/2003 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ chính thức đi vào hoạt động;

+ Ngày niêm yết: Ngày 01 tháng 12 năm 2009 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh theo Quyết định số 147/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 11 năm 2009 theo nội dung sau:



- + Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- + Mã chứng khoán: DVP;
- + Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đ/cổ phiếu;
- + Số lượng cổ phiếu niêm yết: 40.000.000 cổ phiếu;
- + Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỉ đồng).

- Các sự kiện khác:

Ngày 25/02/2005 Công ty được Cục Hàng Hải Việt nam cấp giấy phép đưa cầu cảng số 1 vào khai thác tại Quyết định số 87/QĐ CHHVN cho phép tàu có trọng tải 20.000 DWT ra vào khai thác. Cảng Đình Vũ chính thức được đưa vào khai thác;

Ngày 13/06/2008 Công ty được Cục Hàng Hải Việt Nam cấp giấy phép đưa cầu cảng số 2 vào khai thác tại Quyết định số 377/QĐ CHHVN cho phép tàu có trọng tải 20.000 DWT ra vào khai thác. Tổng số chiều dài Cảng hiện nay là 425m;

- Các thành tích đạt được trong năm 2023:

| Stt | Danh hiệu   | Đơn vị trao                                    | Số quyết định                           |
|-----|---|--|---|
| 1   | Giấy khen đã có thành tích hoàn thành tốt công tác thuế năm 2022  | Tổng cục Thuế Việt Nam                         | QĐ số 1317/QĐ-TCT ngày 29/8/2023        |
| 2   | Bằng khen thành tích, đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển các KCN, Khu kinh tế nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập Ban quản lý Khu kinh tế HP | Chủ tịch UBND thành phố HP                     | QĐ số 2935/QĐ-CT ngày 28/9/2023         |
| 3   | Top 500 doanh nghiệp Lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500)   | Công ty CP Báo cáo đánh giá VN (VietnamReport) | QĐ số 20123/PROFIT-2023 ngày 26/10/2023 |
| 4   | Top 5 Công ty uy tín trong ngành logistics - nhóm khai thác cảng năm 2023   | Công ty CP Báo cáo đánh giá VN (VietnamReport) | QĐ số 435/VNR ngày 18/01/2024           |
| 5   | Bằng khen thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố HP năm 2023   | Chủ tịch UBND thành phố HP                     | QĐ số 199/QĐ-CT ngày 18/01/2024         |

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành  | Mã ngành |
|-----|--|----------|
| 1   | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy  | 5222     |
| 2   | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ  | 5225     |
| 3   | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn   | 3311     |
| 4   | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật   | 7120     |
| 5   | Cung ứng lao động tạm thời   | 7820     |
| 6   | Bốc xếp hàng hóa   | 5224     |
| 7   | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê:<br>- Kinh doanh bất động sản (bao gồm kinh doanh nhà, cho thuê kho, bãi, cho thuê văn phòng)  | 6810     |
| 8   | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:<br>- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuê hải quan<br>- Dịch vụ nâng cầu hàng hoá<br>- Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa<br>- Dịch vụ đóng gói liên quan đến vận tải<br>- Dịch vụ môi giới thuê tàu biển<br>- Dịch vụ logistics<br>- Dịch vụ đại lý tàu biển (bao gồm dịch vụ cung ứng tàu biển)<br>- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển<br>- Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm dịch vụ vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung) | 5229     |
| 9   | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu:<br>- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá  | 8299     |
| 10  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng (bao gồm phụ gia xi măng, clinker)  | 4663     |

|    |   |      |
|----|---|------|
|    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi</li> <li>- Bán buôn kính xây dựng</li> <li>- Bán buôn sơn, vécni</li> <li>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh</li> <li>- Bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí, tôn mạ màu</li> </ul> |      |
| 11 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét   | 0810 |
| 12 | Chuẩn bị mặt bằng:<br>- San lấp mặt bằng  | 4312 |
| 13 | Phá dỡ  | 4311 |
| 14 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa   | 5210 |
| 15 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày:<br>- Khách sạn<br>- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày   | 5510 |
| 16 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ quầy bar)   | 5610 |
| 17 | Đại lý du lịch  | 7911 |
| 18 | Điều hành tua du lịch   | 7912 |
| 19 | Xây dựng nhà để ở   | 4101 |
| 20 | Xây dựng nhà không để ở   | 4102 |
| 21 | Xây dựng công trình điện<br>Chi tiết: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35KV  | 4221 |
| 22 | Xây dựng công trình cấp, thoát nước<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi   | 4222 |
| 23 | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc  | 4223 |
| 24 | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp  | 4293 |

17. / TY AN VA CAI U / VP

|    |   |      |
|----|---|------|
| 25 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị   | 4299 |
| 26 | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch   | 7990 |
| 27 | Xây dựng công trình đường sắt<br>Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông   | 4211 |
| 28 | Xây dựng công trình đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông  | 4212 |
| 29 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hoá; Cho thuê thiết bị vận tải đường thủy không kèm người điều khiển                                 | 7730 |
| 30 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan:<br>- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan  | 4661 |
| 31 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) | 4659 |
| 32 | Cho thuê xe có động cơ  | 7710 |
| 33 | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Vận tải hành khách bằng taxi   | 4931 |
| 34 | Vận tải hành khách đường bộ khác:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh<br>- Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng   | 4932 |
| 35 | Vận tải hành khách đường thủy nội địa   | 5021 |

|    |   |      |
|----|---|------|
| 36 | Vận tải hành khách ven biển và viễn dương   | 5011 |
| 37 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ  | 4933 |
| 38 | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương   | 5012 |
| 39 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa   | 5022 |
| 40 | Bán buôn kim loại và quặng kim loại:<br>- Bán buôn sắt, thép<br>- Bán buôn quặng kim loại<br>- Bán buôn đồng, chì, nhôm, inox | 4662 |
| 41 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu:<br>- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại                    | 4669 |
| 42 | Tái chế phế liệu:<br>- Phá hủy tàu  | 3830 |

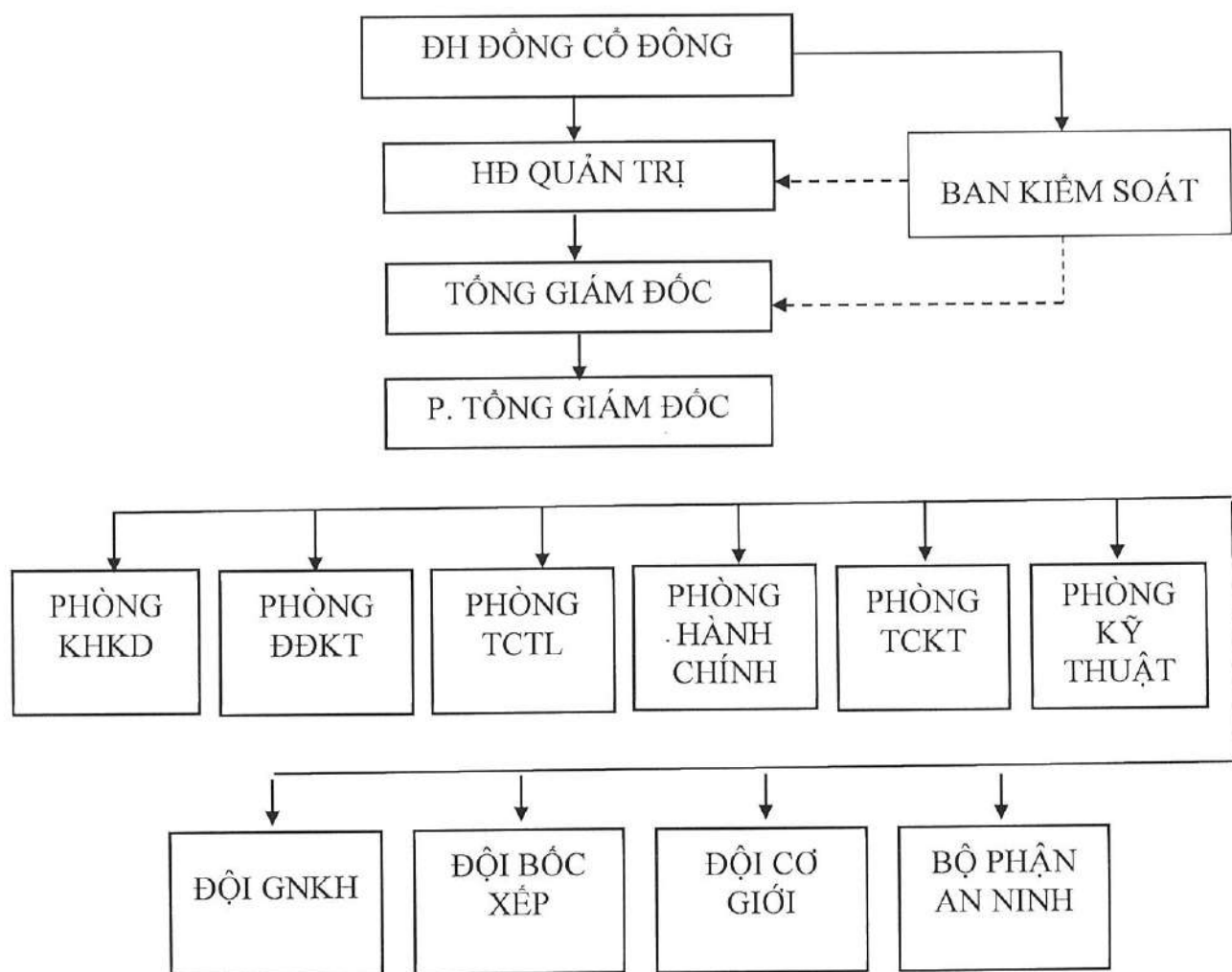
- Địa bàn kinh doanh: Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1 Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

3.2 Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Tổng giám đốc Công ty.

3.3 Cơ cấu bộ máy quản lý:



3.4 Công ty liên kết:

3.4.1 Công ty TNHH tiếp vận SITC- Đình Vũ

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng.

- Lĩnh vực kinh doanh chính:

- + Dịch vụ giao nhận;
- + Đại lý tàu, giao thông vận tải đa phương thức;
- + Vận tải đường bộ;
- + Bãi container và kho;



- + Container hàng hóa đóng gói, khai thác kho CFS;
- + Khai thác kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- + Giao nhận vận tải bằng đường biển, đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không;
- + Dịch vụ sửa chữa container;
- + Dịch vụ Hải quan;
- Vốn điều lệ thực góp: 123.627.173.950 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại Công ty TNHH tiếp vận SITC- Đình Vũ: 49%.

#### 3.4.2 Công ty cổ phần Tiếp vận Đình Vũ

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng.
- Lĩnh vực kinh doanh chính:
  - + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
  - + Bốc xếp hàng hóa;
  - + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
  - + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
  - + Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;
- Vốn điều lệ thực góp: 13.680.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại Công ty cổ phần Tiếp vận Đình Vũ: 45,6%.

Công ty đã giải thể xong vào ngày 04/7/2023.

#### 4. Định hướng phát triển

Năm 2023, kinh tế toàn cầu phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Xung đột Nga - Ucraina tiếp diễn, trong khi xung đột mới bùng phát ở Trung Đông, Biển Đỏ trong các tháng cuối năm. Thị trường hàng hóa thế giới có nhiều biến động, lạm phát tiếp tục ở mức cao, tăng trưởng thương mại yếu và niềm tin người tiêu dùng chậm phục hồi. Nhiều quốc gia duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt để ưu tiên kiểm chế lạm phát. Tổng cầu suy yếu, kinh tế tăng trưởng chậm ở nhiều nước, kể cả các nền kinh tế lớn trong khi thị trường tài chính tiền tệ, bất động sản tại một số nước tiềm ẩn nhiều rủi ro. Bên cạnh việc gia tăng các quy định về phát triển bền vững ảnh hưởng đến nhập khẩu, nhiều nước cũng gia tăng bảo hộ thương mại.

Ở Việt Nam kết thúc năm 2023, tốc độ tăng trưởng kinh tế chỉ đạt 5,05%, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 đạt thấp hơn so với mục tiêu Quốc hội đề ra từ đầu năm (tăng trưởng GDP năm 2023 khoảng 6,5%).

Năm 2023, theo đánh giá chung thị trường vận tải container đã kết thúc chu kỳ tăng và bước vào giai đoạn điều chỉnh, do diễn biến cung - cầu. Về nhu cầu, sức mua yếu đã ảnh hưởng đến sản xuất, lưu thông hàng hóa xuất nhập khẩu trong bối cảnh lạm phát cao.

Trong khi đó giai đoạn 2023 và 2024 là thời điểm mà nhiều hãng tàu sẽ nhận bàn giao một số lượng lớn tàu container đóng mới đã được đặt hàng trước đây, do nguồn cung tăng mạnh thị trường tiếp tục bước vào giai đoạn thừa cung lớn, khiến cho sự cạnh tranh vô cùng khốc liệt trong thời gian tới.

Vì vậy Công ty đã xác định định hướng phát triển trong thời gian tới như sau:

- Tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ, củng cố phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu mạnh để giữ vững và mở rộng thị phần của Công ty.
- Phối hợp với các hãng tàu/ khách hàng tăng cường công tác tiếp thị để phát triển các tuyến dịch vụ và phát triển nguồn hàng để nâng cao sản lượng thông qua cảng.
- Tập trung tìm kiếm các cơ hội để đầu tư cơ sở hạ tầng kho bãi và depot ở khu vực ngoài cảng.
- Về nhân lực, tập trung tuyển nhân sự trẻ, chất lượng cao để tối đa hóa khả năng tìm người phù hợp và đạt được hiệu quả cao nhất cho Công ty.

## **5. Các nhân tố rủi ro**

### **5.1 Rủi ro về kinh tế**

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế thế giới do Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng và cung cấp dịch vụ kho bãi, logistics.

a) Kết thúc năm 2023, tăng trưởng kinh tế đạt 5,05% trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%; công nghiệp, xây dựng tăng 3,74% và dịch vụ tăng cao nhất với 6,82%, như vậy, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 đạt thấp hơn so với mục tiêu Quốc hội đề ra từ đầu năm (tăng trưởng GDP năm 2023 khoảng 6,5%).

Là Công ty hoạt động trong ngành dịch vụ cảng biển, kho bãi và logistics, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp bởi tình hình sản xuất công nghiệp và thương mại trong nước và quốc tế. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh

té là một chỉ báo quan trọng không những phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn là công cụ quan trọng để Công ty dự báo các chiến lược phát triển trung và dài hạn.

b) Bình quân năm 2023, lạm phát cơ bản tăng 4,2% so với năm 2022, cao hơn mức CPI (Chỉ số giá tiêu dùng - Consumer Price Index) bình quân chung (tăng 3,3%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, điện, nhóm nhà ở, vật liệu xây dựng tăng. Nhìn chung CPI năm 2023 tăng thấp hơn nhiều do với mục tiêu đề ra (dưới 4,5%) chủ yếu do yếu tố cầu chậm hồi phục.

Đối với doanh nghiệp dịch vụ cảng, chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào, đặc biệt là giá xăng dầu, điện và giá nhân công. Bên cạnh đó, tình hình lạm phát cũng ảnh hưởng đến khối doanh nghiệp sản xuất hàng xuất nhập khẩu - những khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Để giảm thiểu ảnh hưởng của lạm phát đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn chủ động tăng cường các hoạt động kiểm soát định mức chi phí và quản lý biến động giá cả đầu vào.

## **5.2 Rủi ro về Pháp luật**

- Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của Công ty. Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định chồng chéo. Bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro về luật pháp, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định Pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết.

## **5.3 Rủi ro đặc thù ngành**

### **a) Rủi ro ngành**

- Năm 2023, kinh tế Thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, lạm phát mặc dù đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt; nhu cầu hàng hóa thế giới và một số thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam như Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, ASEAN, Nhật Bản sụt giảm; thương mại và đầu tư toàn cầu tiếp tục thu hẹp; hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng đã khiến nhiều quốc gia tăng trưởng chậm lại. Theo IMF, tăng trưởng thương mại thế giới chỉ đạt 0,9% trong năm 2023, thấp hơn nhiều so với mức trung bình 4,9% của giai đoạn 2000-2019.

- Do đó, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2023 không đạt được như kỳ vọng. Tính chung cả năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa

57  
37  
1A  
1V  
10  
VŨ  
AIF

ước đạt 683 tỷ USD, giảm 6,6% so với năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 4,4%; nhập khẩu giảm 8,9% (nguồn: Tổng Cục Thống kê). Trong thời gian vừa qua, hoạt động SXKD của Công ty chịu sự ảnh hưởng lớn của thị trường hàng hóa xuất nhập khẩu từ Trung Quốc. Cụ thể, năm 2023 kinh tế Trung Quốc đang đà giảm tốc, đối mặt nhiều thách thức trong nhiều thập kỷ qua và nhu cầu yếu từ Việt Nam nên sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu từ thị trường suy giảm. Công ty luôn theo sát và cập nhật tình hình từ thị trường chính này để có thể ứng phó trong mọi tình huống.

#### b) Rủi ro giá nhiên liệu

- Do hoạt động trong ngành giao thông vận tải và giao nhận hàng hóa nên Công ty chịu ảnh hưởng bởi tăng giảm giá nhiên liệu. Tuy nhiên xăng dầu phụ thuộc hoàn toàn vào tình hình cung cầu trên Thế giới và sự điều hành của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên Công ty chỉ có thể điều chỉnh giá dịch vụ một cách tương ứng và phù hợp với thị trường.

#### c) Rủi ro cạnh tranh

- Tình trạng cạnh tranh về giá giữa các cảng trong khu vực Hải Phòng, các doanh nghiệp cùng ngành sẵn sàng giảm sâu giá hoặc chấp nhận lỗ để thu hút khách hàng. Đây chính là những thách thức lớn và rủi ro trong cạnh tranh đối với Cảng Đình Vũ trong giai đoạn hiện nay. Ban Điều hành Công ty đã thấy rõ các thách thức này và đã chủ động tăng cường hợp tác chặt chẽ với các hãng tàu/ khách hàng, có những chính sách linh hoạt, phù hợp, kết hợp nâng cao chất lượng dịch vụ để duy trì các tuyến dịch vụ nhằm đảm bảo nguồn hàng, ổn định hoạt động SXKD của Công ty.

- Hoạt động kinh doanh khai thác Depot của Công ty tại khu công nghiệp Minh Phương cung cấp các dịch vụ lưu container rỗng, lưu hàng hóa, bảo dưỡng sửa chữa container... khép kín quy trình cung cấp dịch vụ trọn gói cho khách hàng và hãng tàu với giá cả cạnh tranh nhằm tăng tính gắn kết với khách hàng, hãng tàu có sử dụng dịch vụ xếp dỡ tại Cảng.

#### d) Rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh

- Cập nhật kịp thời các thay đổi về môi trường, khí hậu, thời tiết, dịch bệnh để lập phương án ứng phó kịp thời.

- Thành lập các ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, An ninh cảng biển; Đội Phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn; Hội đồng BHLĐ; Đoàn kiểm tra công tác ATVSLĐ...

- Xây dựng các phương án Phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn; Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu... tổ chức diễn tập định kỳ theo quy định của Pháp luật.

- Kiểm tra định kỳ các thiết bị an toàn, PCCC, hệ thống điện, nước, .. việc tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn vệ sinh lao động.

- Tuân thủ nghiêm mọi quy định về Phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

- Thực hiện ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

- Đầu tư thiết bị sử dụng công nghệ tái tạo năng lượng, hướng đến sử dụng năng lượng sạch.

- Thực hiện ký hợp đồng bảo hiểm cho các phương tiện, thiết bị xếp dỡ của Công ty.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023:

| Các chỉ tiêu                | Kế hoạch<br>2023 | Thực hiện<br>2023 | So sánh thực hiện năm<br>2023 (%) |               |
|-----------------------------|------------------|-------------------|-----------------------------------|---------------|
|                             |                  |                   | Năm<br>2022                       | TH/KH<br>2023 |
| - Sản lượng Container (teu) | 610.000          | 491.943           | 88,43                             | 80,65         |
| - Qui đổi tấn thông qua     |                  | 7.381.284         | 88,46                             | 80,67         |
| - Tổng D.Thu (tỷ đồng):     | 716,2            | 839,740           | 122,66                            | 117,25        |
| - LN trước thuế (tỷ đồng)   | 360              | 398,456           | 115,48                            | 110,68        |

b) Những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, thị trường:

- Tình hình kinh tế chính trị Thế giới, khu vực Châu Á gặp nhiều biến động; chiến tranh giữa Nga và Ucraina vẫn tiếp diễn; xung đột Israel và Hamas trên dải Gaza làm ảnh hưởng đến sản xuất lưu thông hàng hóa trên toàn cầu.

- Nền kinh tế Trung Quốc đang giảm tốc, đối mặt nhiều thách thức trong nhiều thập kỷ qua, xuất khẩu giảm ảnh hưởng lan tỏa đến toàn cầu. Đặc biệt ảnh hưởng đến sản lượng của các hãng tàu vận chuyển hàng hóa đến và đi từ quốc gia này.

- Tính chung cả năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam giảm 6,6% so với năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 4,4%; nhập khẩu giảm 8,9%. Về thị trường xuất nhập khẩu của Việt Nam, nhập siêu từ: Trung Quốc giảm 17,6%, Hàn Quốc giảm 23,3%; ASEAN giảm 37,2%. Tại Hải Phòng; sản lượng hàng hóa thông qua khu vực không tăng trưởng so cùng kỳ.

- Sản lượng hàng hóa vận chuyển qua các hãng tàu sụt giảm, một số hãng phải tạm dừng một số tuyến dịch vụ, cắt chuyến, rút chuyến.

+ *Tình hình thực hiện so với kế hoạch...*

- Sản lượng : Kế hoạch 610.000 teu - Thực hiện 491.943 teu.

- Doanh thu : Kế hoạch 716,2 tỷ đồng - Thực hiện 839,74 đồng.

- Lợi nhuận trước thuế : Kế hoạch 360 tỷ đồng - Thực hiện 398,45 tỷ đồng.

\* **Đánh giá chỉ tiêu sản lượng:** thực hiện đạt 80,65% kế hoạch, bằng 88,43% so năm 2022.

+ Do ảnh hưởng của nền kinh tế Trung Quốc giảm tốc và nhu cầu yếu từ Việt Nam, trong năm 2023 sản lượng hàng hóa nhập xuất vận chuyển trên các chuyến tàu của hãng tàu SITC (khách hàng lớn của Cảng) giảm so với năm 2022.

+ Sản lượng hàng hóa vận chuyển qua các hãng tàu khác cũng sụt giảm, một số hãng phải tạm dừng một số tuyến dịch vụ, cắt chuyến, rút chuyến.

\* **Đánh giá chỉ tiêu doanh thu:** thực hiện đạt 117,25% kế hoạch, doanh thu sản xuất chính giảm nhưng tổng doanh thu năm 2023 bằng 122,66% so cùng kỳ 2022

\* **Đánh giá chỉ tiêu lợi nhuận:** thực hiện đạt 110,68% kế hoạch, bằng 115,48% so năm 2022.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1 Danh sách Ban điều hành

#### 2.1.1 Tổng Giám đốc Công ty: Ông Cao Văn Tĩnh

- Sinh ngày 23/05/1969. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam;

- Trình độ chuyên môn: Đại học hàng hải-Kỹ sư máy xếp dỡ, Đại học Bách khoa- Kỹ sư QTDN;

- Quá trình công tác:

+ Từ 09/1986-12/1989: Học trường sỹ quan kỹ thuật vũ khí đạn;

+ Từ 01/1990- 01/1992: Trung úy- Đại đội trưởng đại đội bảo quản kho KV2-Cục vũ khí;

+ Từ 08/1992- 07/1997: Học trường Đại học Hàng hải;

+ Từ 06/1998- 05/1999: Cán bộ kỹ thuật- Xí nghiệp xếp dỡ container/ Cảng Hải phòng;

+ Từ 05/1999- 08/2004: Cán bộ kỹ thuật, trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP dịch vụ kỹ thuật/ Cảng Hải phòng;

+ Từ 09/2004- 2/2009: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

10/01/2023  
C  
ĐÃ  
IÁT  
ĐỀ  
1/17

+ Từ 02/2009- 06/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

+ Từ tháng 7/2017 đến nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

+ Từ tháng 6/2018 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

- Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 18,5% vốn điều lệ tương đương 7.400.000 cổ phần có quyền biểu quyết;

- Số cổ phần sở hữu cá nhân 3.600 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,009% vốn điều lệ;

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện: 7.403.600 cổ phần có quyền biểu quyết tương đương 18,509% vốn điều lệ.

*2.1.2 Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh:* Ông Triệu Thế Thuận

- Sinh ngày 11/6/1971. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt Nam;

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ Trung - Anh, Cử nhân kinh tế;

- Quá trình công tác:

+ Từ 6/1993 – 5/1996: Hướng dẫn viên Công ty Du lịch Dịch vụ Hải Phòng;

+ Từ 6/1993 – 5/2002: Hướng dẫn viên Chi nhánh Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Thắng Lợi Hà Nội tại Hải Phòng;

+ Từ 6/2002 – 9/2002: Trưởng Phòng xuất khẩu lao động – Công ty cung ứng lao động Hải Phòng;

+ Từ 10/2002 – 9/2004: Đại lý viên Công ty dịch vụ hàng hải Phương Đông, Đại lý hàng hải Việt Nam;

+ Từ 10/2004 – 6/2009: Nhân viên chi nhánh Công ty TNHH China Shipping Việt Nam tại Hải Phòng;

+ Từ 7/2009 – 12/2009: Trưởng Phòng Kế hoạch thị trường, Công ty Cổ phần vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng;

+ Từ 01/2010 – 8/2011: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng;

+ Từ 9/2011 – 11/2013: Phó Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

+ Từ 12/2013 – 8/2014: Phụ trách Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

+ Từ 9/2014 – 11/4/2019: Trưởng Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

+ 12/4/2019 - đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ.

Tổng số cổ phần sở hữu: 4.000 cổ phần có quyền biểu quyết tương đương 0,01% vốn điều lệ.

*2.1.3 Kế toán trưởng:* Ông Đoàn Minh Trung

105  
NG  
PH  
TU  
VIÊN  
HT  
PH

- Sinh ngày 10/07/1971. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt Nam;  
- Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán tài chính - cử nhân kế toán tài chính thương mại;

- Quá trình công tác:  
+ Từ 10/1992-03/1993: Nhân viên kế toán Cảng Hải Phòng;  
+ Từ 04/1993- 12/1994: Nhân viên kế toán – Xí nghiệp II/Cảng Hải Phòng;  
+ Từ 01/1995- 09/1997: Nhân viên kế toán – Xí nghiệp Container/Cảng Hải Phòng;

+ Từ 10/1997- 01/2003: Chuyên viên phòng kế toán- Cảng Hải Phòng;  
+ Từ 02/2003- Nay: Kế toán trưởng, trưởng phòng Tài chính kế toán- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

- Số cổ phần sở hữu: 60.000 cổ phiếu tương ứng 0,15% vốn điều lệ.

2.2 *Những thay đổi trong ban điều hành:* Không có

2.3 *Số lượng CBCNV tính đến ngày 31/12/2023:* 421 người.

2.4 *Tóm tắt chính sách đối với người lao động:*

a) Mục tiêu:

Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động theo hướng ngày càng được cải thiện, làm cho người lao động luôn tin tưởng, gắn bó và tận tâm vì sự phát triển của Công ty.

b) Hành động:

+ Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động  
+ Đảm bảo chăm sóc y tế, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, thực hiện tốt chế độ thai sản đối với người lao động nữ.

+ Người lao động được tham gia đầy đủ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

+ Người lao động được đào tạo, được nâng cao tay nghề thích hợp với vị trí chức danh công việc. Thực hiện chế độ nâng lương, nâng bậc hàng năm.

+ Chú trọng công tác an toàn – vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh.

+ Tuân thủ và thực hiện tốt các quy định của pháp luật về chế độ chính sách đối với người lao động. Trong điều kiện cho phép Công ty áp dụng chế độ chính sách có lợi cho người lao động được pháp luật khuyến khích. Người lao động được bảo đảm mọi quyền lợi quy định trong Pháp luật Lao động, Luật BHXH, Luật BHTN của nước CHXHCN Việt Nam.

- Thay đổi trong năm 2023: Năm 2023 là năm có nhiều khó khăn do nền kinh tế thế giới chưa phục hồi sau dịch bệnh covid-19, chiến sự Nga -Ukraina căng thẳng diễn biến phức tạp... ảnh hưởng lớn đến kinh tế chính trị toàn cầu nói chung và ảnh



hưởng rất lớn đến hoạt động của các doanh nghiệp và Cảng Đình Vũ nói riêng, Ban lãnh đạo Công ty đặt mục tiêu giữ vững việc làm và thu nhập người lao động là nhiệm vụ hàng đầu. Nhờ vậy, mặc dù gặp nhiều khó khăn thu nhập của người lao động giữ được ổn định so với năm 2022. Ngoài ra, Công ty ban hành Hệ thống thang bảng lương, phụ cấp lương sửa đổi tăng mức đóng bảo hiểm xã hội nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật và quyền lợi cho người lao động khi nghỉ hưu, mở rộng đối tượng khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm, sắp xếp bố trí lao động hiệu quả nhằm đảm bảo thu nhập cho người lao động, thay đổi cách thức tổ chức tạo điều kiện cho nhiều người lao động được thăm quan du lịch.

c) Thay đổi trong năm 2023:

Năm 2023 là năm có nhiều khó khăn như hậu dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, chiến sự Nga -Ukraina... ảnh hưởng lớn đến kinh tế chính trị toàn cầu, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và Cảng Đình Vũ nói riêng, Ban lãnh đạo Công ty đặt mục tiêu giữ vững việc làm và thu nhập người lao động là nhiệm vụ hàng đầu. Nhờ vậy, mặc dù gặp nhiều khó khăn thu nhập của người lao động giữ được ổn định và tăng so với năm 2022. Ngoài ra, Công ty tuân thủ chính sách đối với người lao động mà Pháp luật không quy định bắt buộc thực hiện nhưng được khuyến khích như việc thanh toán tiền phép khi không nghỉ phép, hỗ trợ cho CBCNV bằng hình thức khác khi không tổ chức tham quan du lịch do tình hình thiên tai đã đưa vào Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, hỗ trợ tối đa cho người lao động trong thời kỳ dịch bệnh: như tổ chức tiêm vacxin đầy đủ, tổ chức khám sức khỏe hậu covid.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### 3.1 Các khoản đầu tư lớn:

Đầu tư 02 cần trục chân đế sức nâng 45 tấn, tầm với lớn nhất 37,5 mét:

Nguồn vốn: Vốn tự có.

Tổng mức đầu tư: 219.238.000.000 VNĐ.

Tổng giá trị thực hiện: 174.907.155.000 VNĐ

Giải ngân đến hết năm 2022: 27.153.351000 VNĐ.

Thực hiện năm 2023: 147.753.804.000 VNĐ

#### 3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

a) Công ty liên kết: Công ty TNHH tiếp vận SITC-DinhVu

- Bắt đầu hoạt động từ Quý I/2011

- Kết quả sản xuất kinh doanh 2023:

Kết quả sản xuất kinh doanh 2023: Doanh thu: 483.841.600.239 đồng giảm 3.19% so với năm 2022.



Lợi nhuận trước thuế: 154.403.098.466 đồng tăng 15,52% so với năm 2022.

- Tình hình tài chính:

Tổng tài sản tính đến 31/12/2023: 471.467.085.475 đồng tăng 6,52% so với năm 2022;

Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2023: 53.496.508.293 đồng tăng 21,71% so với năm 2022.

Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2023: 417.970.577.182 đồng tăng 4,84% so với năm 2022

#### 4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

| Chỉ tiêu             | Năm 2022          | Năm 2023          | % tăng giảm |
|----------------------|-------------------|-------------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 1.497.818.985.518 | 1.635.776.002.494 | 9,21        |
| Doanh thu thuần      | 584.923.614.755   | 549.212.097.848   | -6,11       |
| Lợi nhuận từ HĐKD    | 345.839.612.476   | 313.986.098.308   | -9,21       |
| Lợi nhuận khác       | (784.093.806)     | 84.470.760.578    | 10.673,04   |
| Lợi nhuận trước thuế | 345.055.518.670   | 398.456.858.886   | 15,48       |
| Lợi nhuận sau thuế   | 283.380.354.744   | 330.769.107.837   | 16,69       |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu                                  | Năm 2022          | Năm 2023          | Ghi chú |
|---|-------------------|-------------------|---------|
| <b>1- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b> |                   |                   |         |
| <b>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn</b>        |                   |                   |         |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn              | 10,59             | 34,46             |         |
| <b>+ Hệ số thanh toán nhanh</b>           |                   |                   |         |
| <b>Tài sản ngắn hạn-<br/>Hàng tồn kho</b> | 1.208.051.028.353 | 1.237.945.783.943 |         |

|  |                 |                |  |
|--|-----------------|----------------|--|
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                       | 114.985.215.452 | 36.180.089.439 |  |
| <b>2- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>         |                 |                |  |
| + Hệ số nợ/Tổng tài sản                  | 0,08            | 0,16           |  |
| + Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu                | 0,08            | 0,19           |  |
| <b>3- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b> |                 |                |  |
| + Vòng quay hàng tồn kho                 |                 |                |  |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân  | 29,45           | 35,02          |  |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản             | 0,39            | 0,34           |  |
| <b>4- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>  |                 |                |  |
| + Hệ số LNST/Doanh thu thuần             | 0,48            | 0,60           |  |
| + Hệ số LNST/Vốn CSH                     | 0,20            | 0,24           |  |
| + Hệ số LNST/Tổng tài sản                | 0,19            | 0,20           |  |
| + Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/DTT            | 0,59            | 0,57           |  |

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

a) Cổ phần: 40.000.000 cổ phần (cổ phần phổ thông), cụ thể:

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng: 20.400.000 cổ phần tương ứng 51%;

Công ty Cổ phần vật tư nông sản: 7.480.000 cổ phần tương ứng 18,7%;

America LLC: 3.040.210 cổ phần, tương ứng 7,6%;

Các cổ đông khác: 9.079.790 cổ phần tương ứng 22,7%.

b) Cơ cấu cổ đông:

Tổng số cổ đông theo danh sách chốt cổ đông đến ngày 19/12/2023: 1.339 cổ đông.

*Trong đó:*

+ Cổ đông trong nước: 1.220 cổ đông tương đương 34.266.504 cổ phần ứng với 85,66%.

+ Cổ đông nước ngoài: 119 cổ đông tương đương 5.733.496 cổ phần tương ứng 14,34%.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

| Năm           | Vốn điều lệ (đồng) | Ghi chú         |
|---------------|--------------------|-----------------|
| 2003          | 55.877.500.000     |                 |
| 2004          | 101.064.600.000    |                 |
| 2005          | 103.554.650.000    |                 |
| 2006          | 155.599.533.625    |                 |
| 2007          | 193.515.483.625    |                 |
| 2008          | 200.000.000.000    |                 |
| 2009 đến 2012 | 200.000.000.000    |                 |
| 2013          | 400.000.000.000    | Cổ phiếu thưởng |
| 2014 đến 2023 | 400.000.000.000    |                 |

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.

e. Các chứng khoán khác: không có.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

### 6.1 Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

Tăng cường bảo dưỡng sửa chữa các phương tiện, phân công sản xuất hợp lý để giảm lượng tiêu thụ dầu diesel;

Thay thế các đèn chiếu sáng bằng đèn LED để giảm lượng tiêu thụ điện năng;

Tuyên truyền toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty nâng cao ý thức tiết kiệm sử dụng điện năng hợp lý trong việc sử dụng các thiết bị điện văn phòng, hệ thống chiếu sáng, điều hòa...

### 6.2 Tiêu thụ năng lượng:

Hoạt động của Công ty là khai thác Cảng biển nên năng lượng tiêu thụ chủ yếu của Công ty chủ yếu là phục vụ các thiết bị nâng hạ và vận chuyển container trong đó bao gồm 02 loại năng lượng chính là năng lượng điện và dầu DO.

Điện năng tiêu thụ:

- Năm 2023 Cảng Đình Vũ tiêu thụ 3.313.000 KWh, điện năng tiêu thụ chủ yếu là phục vụ các thiết bị nâng hạ container ngoài cầu tàu và trong bãi, phần còn lại cấp điện cho hệ thống điện văn phòng, chiếu sáng bãi... hoạt động.

- Cảng Đình Vũ nằm trong danh sách các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm vì vậy Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, ban hành các biện pháp nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cụ thể:

+ Đầu tư, nâng cấp thiết bị áp dụng các công nghệ mới (hãm tái sinh, lắp đặt biến tần....) tăng năng suất xếp dỡ hàng hóa giảm tiêu hao, tiết kiệm 8% ÷ 10% điện năng tiêu thụ trong quá trình hoạt động.

+ Lắp đặt timer, cảm biến cho hệ thống chiếu sáng bãi, điều chỉnh thời gian bật tắt các giàn đèn hợp lý theo mùa đảm bảo sử dụng ánh sáng hợp lý.

+ Để bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng Công ty đã tiến hành thay thế và lắp mới toàn bộ các bóng đèn phục vụ chiếu sáng văn phòng, nhà xưởng bằng hệ thống đèn sử dụng công nghệ Led giúp tiết kiệm điện năng đến 50%.

+ Tuyên truyền toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty nâng cao ý thức tiết kiệm sử dụng điện năng hợp lý trong việc sử dụng các thiết bị điện văn phòng, hệ thống chiếu sáng, điều hòa...

### 6.3 Tiêu thụ nhiên liệu dầu DO:

- Dầu DO tiêu thụ chủ yếu cho các thiết bị nâng hạ và vận chuyển trong bãi hoạt động, năm 2023 tiêu thụ 520.500 lit dầu DO. Để giảm thiểu tiêu thụ dầu DO giúp thân thiện với môi trường Công ty cũng đã áp dụng một số biện pháp cụ thể:

+ Tăng cường công tác bảo dưỡng sửa chữa các phương tiện.

+ Đầu tư các thiết bị nâng hạ sử dụng năng lượng điện thay thế các thiết bị sử dụng dầu DO giảm khí thải, thân thiện với môi trường.

+ Ban hành các định mức sử dụng nhiên liệu áp dụng vào hoạt động sản xuất của Công ty.

### 6.4 Tiêu thụ nước:

- Nguồn cấp nước: Sử dụng nguồn nước sạch của thành phố - Công ty CP cấp nước Hải Phòng:

- Lượng nước tiêu thụ năm 2023: 10.250 m<sup>3</sup>.

- Lượng nước tái chế và sử dụng: Do lượng nước Công ty tiêu thụ chủ yếu phục vụ sinh hoạt không tái chế, Công ty đã lắp đặt hệ thống thu gom xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường.

#### *6.5 Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường:*

Cảng Đình Vũ tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường theo Luật bảo vệ môi trường và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành; đánh giá tác động môi trường, quản lý chất thải, phế liệu bảo vệ môi trường với chất thải rắn, lỏng.

#### *6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:*

a. Số lượng người lao động tính đến 31/12/2023: 421 người. Mức lương bình quân: 25.000.000 đ/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, bao gồm:

Tham gia đầy đủ bảo hiểm y tế cho người lao động.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, trong đó nhóm lao động nặng nhọc nguy hiểm 2 lần/năm và mở rộng đối tượng đối với nhóm lao động kỹ thuật khác.

Trích quỹ phúc lợi tổ chức các hoạt động, phong trào văn nghệ, TDTT, hỗ trợ các trường hợp CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức nhiều chuyến tham quan du lịch cho CBCNV.

#### *c. Hoạt động đào tạo*

Năm 2023 Công ty đã tổ chức và cử CBCNV tham gia 18 khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức cho 537 lượt CBCNV tham dự. Tổng số giờ đào tạo là 736 giờ.

Hàng năm Công ty tổ chức 2 đợt đào tạo nâng bậc nghề cho CBCNV để đảm bảo nâng cao tay nghề hỗ trợ người lao động phát triển nghề nghiệp và thu nhập, năm 2023 Công ty tổ chức đào tạo nâng bậc cho 52 công nhân viên, đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật, kiến thức quản trị hỗ trợ công việc cho 135 CBCNV.

#### *6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:*

Công ty thường xuyên tham gia các hoạt động từ thiện do địa phương trên địa bàn và Thành phố Hải Phòng phát động, cụ thể:

Quỹ phúc lợi ủng hộ Quỹ xã hội hóa hỗ trợ giảm nghèo bền vững theo đề án 498/ĐA-UBND của UBND quận Hải An: 10.000.000 đồng;

Quà Tết ủng hộ Quỹ bảo trợ trẻ em TP. Hải Phòng: 10.000.000 đồng;

Quỹ phúc lợi ủng hộ kinh phí tặng thẻ BHYT, sổ BHXH cho người có hoàn cảnh khó khăn (ủng hộ BHXH Hải Phòng): 10.000.000 đồng;

Ủng hộ Hội từ thiện TP. Hải Phòng: 10.000.000;

Hỗ trợ bà Nguyễn Thị Quyên – Nhân viên Phòng kế hoạch kinh doanh bị tai nạn lao động: 20.000.000 đồng;

Hỗ trợ Hội bảo trợ Người tàn tật và trẻ mồ côi TP. Hải Phòng: 20.000.000 đồng;

Tặng Nhà đại đoàn kết tỉnh Điện Biên: 20.000.000 đồng;

Trao học bổng cho sinh viên Trường Đại học Hàng hải: 30.000.000 đồng;

Ủng hộ Ngày thương binh liệt sĩ Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng: 10.000.000 đồng;

Hỗ trợ Phường Nghĩa Xá, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng xây nhà tình nghĩa cho Ông Bùi Văn Tiến – Thương binh 4/4: 40.000.000 đồng.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình kinh tế chính trị Thế giới, khu vực Châu Á gặp nhiều biến động; chiến tranh giữa Nga và Ucraina vẫn tiếp diễn; xung đột Israel và Hamas trên dải Gaza; nền kinh tế Trung Quốc đang giảm tốc, đối mặt nhiều thách thức trong nhiều thập kỷ qua, xuất khẩu giảm ảnh hưởng lan tỏa đến toàn cầu. Đặc biệt ảnh hưởng đến sản lượng của các hãng tàu vận chuyển hàng hóa đến và đi từ quốc gia này. Tại Hải Phòng, sản lượng hàng hóa thông qua khu vực không tăng trưởng so cùng kỳ.

Hoạt động trong lĩnh vực cảng biển, dịch vụ kho bãi, mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng của tình hình thị trường, cạnh tranh, diễn biến phức tạp, gặp nhiều khó khăn vướng mắc trong SXKD. Tuy nhiên Công ty đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành được hai (02) chỉ tiêu quan trọng; doanh thu và lợi nhuận, giữ vững sự ổn định về việc làm, thu nhập của người lao động, điều này thể hiện sự quyết tâm cao của Ban điều hành và toàn thể CBNV Công ty.

- Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2023 của Công ty như sau:

| Các chỉ tiêu                | Kế hoạch 2023 | Thực hiện 2023 | So sánh thực hiện năm 2023 (%) |            |
|-----------------------------|---------------|----------------|--------------------------------|------------|
|                             |               |                | Năm 2022                       | TH/KH 2023 |
| - Sản lượng Container (teu) | 610.000       | 491.943        | 88,43                          | 80,65      |
| - Qui đổi tấn thông qua     |               | 7.381.284      | 88,46                          | 80,67      |
| - Tổng D.Thu (tỷ đồng):     | 716,2         | 839,740        | 122,66                         | 117,25     |
| - LN trước thuế (tỷ đồng)   | 360           | 398,456        | 115,48                         | 110,68     |

\* Chỉ tiêu sản lượng thực hiện đạt 80,65% kế hoạch do một số nguyên nhân chính như sau:

+ Do ảnh hưởng của nền kinh tế Trung Quốc giảm tốc và nhu cầu yếu từ Việt Nam, trong năm 2023 sản lượng hàng hóa nhập/ xuất vận chuyển trên các chuyến tàu của hãng tàu SITC (khách hàng lớn của Cảng) giảm so với năm 2022.

+ Sản lượng hàng hóa vận chuyển qua các hãng tàu khác cũng sụt giảm, một số hãng phải tạm dừng một số tuyến dịch vụ, cắt chuyến, rút chuyến.

+ Sản lượng hàng hóa thông qua khu vực Hải phòng không tăng trưởng so với năm 2022.

Bằng sự nỗ lực phấn đấu của Ban điều hành, CBNV Công ty, kết quả năm 2023 Công ty đã đạt và vượt ở mức cao chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận, trong đó chỉ tiêu SXKD quan trọng nhất do Đại hội cổ đông giao cho là lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 110,68% so kế hoạch và vượt 15,48% so cùng kỳ 2022.

+ *Những tiến bộ Công ty đạt được:*

- Trong năm 2023 Công ty vẫn đảm bảo được việc làm cho người lao động, tổng thu nhập của người lao động năm 2023 tương đương so với năm 2022.

- Khai thác hàng hóa tại Bãi container Cảng Đình Vũ - Khu công nghiệp Minh Phương: sản lượng năm 2023 đạt 54.267 container, đóng góp vào tổng doanh thu 45,316 tỷ tăng 0,45% so với thực hiện năm 2022.

## **2. Tình hình tài chính**

a) Tình hình tài sản:

Trong năm tài chính, tình hình tài sản của Công ty tăng 9,1% so với năm 2022, trong đó, tình hình tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 29 tỷ, tình hình tài sản dài hạn của Công ty tăng do Công ty tăng TCSĐ 02 cần trục chân đế 175 tỷ.

b) Tình hình nợ phải trả:

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Trong năm 2023 cơ cấu tổ chức Công ty không có thay đổi;

Công ty thuê Công ty kiểm toán chuyên nghiệp thực hiện việc kiểm toán nội bộ nhằm phát hiện và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty. Kết quả không có kiến nghị trọng yếu cần khắc phục ngay.

## **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Tiếp tục phát triển Công ty thành một Cảng container chuyên nghiệp và hiện đại trong khu vực;



Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động;

Mở rộng một số lĩnh vực kinh doanh phù hợp với năng lực và lợi thế của Công ty nhằm tăng doanh thu, tối đa hóa lợi nhuận;

Mở rộng thị trường, có chiến lược chăm sóc, gắn kết với khách hàng;

Chú trọng công tác đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm kế thừa và nắm bắt, tiếp nhận chuyển giao các thiết bị công nghệ hiện đại;

Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin, trang thiết bị hiện đại cho hoạt động kinh doanh khai thác cảng, tăng năng suất xếp dỡ và chất lượng phục vụ khách hàng;

Tích cực tìm kiếm các cơ hội mở rộng lĩnh vực kinh doanh. Hợp tác với các hãng tàu và đối tác phối hợp nghiên cứu các dự án phát triển dịch vụ khác;

Chuẩn bị nguồn lực cho việc nghiên cứu mở rộng phương án kinh doanh/ hợp tác với các đối tác/ hãng tàu đầu tư tại khu vực cảng nước sâu Lạch Huyện.

## **5. Dự kiến kế hoạch năm 2024**

Căn cứ tình hình thị trường, trên cơ sở năng lực hiện có Công ty xây dựng kế hoạch năm 2024 với các chỉ tiêu chủ yếu dự kiến như sau:

Sản lượng : 525.000 teus.

Doanh thu : 634,3 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế : 300 tỷ đồng.

Cổ tức dự kiến : từ 30% trở lên.

Các giải pháp chủ yếu nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch như sau:

### **a) Về kinh doanh:**

Tổ chức hợp tác với các hãng tàu/ khách hàng tăng cường công tác tiếp thị để phát triển các tuyến dịch vụ và phát triển nguồn hàng để nâng cao sản lượng thông qua cảng.

Tập trung hỗ trợ cho các hãng tàu đang sử dụng dịch vụ Cảng nhằm giúp họ duy trì và phát triển tuyến dịch vụ.

Tăng cường công tác thị trường và chăm sóc khách hàng, kết hợp không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ để đảm bảo duy trì ổn định hoạt động SXKD của Công ty.

### **b) Về quản lý:**

Tiếp tục ổn định công tác nhân sự trong Công ty, tiếp tục tuyển dụng nhân lực có trình độ cao để có thể đáp ứng được yêu cầu hoạt động và nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh.

c) Về đầu tư:

Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các hạng mục theo kế hoạch, kịp thời đưa vào khai thác nâng cao năng lực xếp dỡ.

Chú trọng đầu tư, hoàn thiện dây chuyền xếp dỡ container, nâng cao năng lực xếp dỡ.

d) Về dịch vụ hậu cần cảng và logistics:

Tiếp tục nghiên cứu thực hiện dự án đầu tư kho bãi, depot khu vực ngoài cảng khi có cơ hội.

## 5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có

## 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Về nước thải sinh hoạt và công nghiệp:

Về nước thải sinh hoạt và công nghiệp: các nguồn nước xả thải được xử lý theo đúng quy định trước khi xả ra sông và đã được UBND TP. Hải Phòng cấp phép tại văn bản số 192/GP-UBND ngày 18/01/2021 và Công ty sẽ tiến hành định kỳ quan trắc nguồn nước thải với tần suất 3 tháng/lần.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Trong nhiều năm qua Công ty luôn đặt mục tiêu hàng đầu là chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động theo hướng ngày càng được cải thiện, làm cho người lao động luôn tin tưởng, gắn bó và tận tâm vì sự phát triển của Công ty. Trên thực tế, năm 2022 mặc dù gặp nhiều khó khăn do tình hình kinh tế - chính trị và dịch bệnh trên toàn thế giới diễn biến phức tạp, Công ty vẫn đảm bảo được việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ ngân sách với nhà nước và thành phố, qua đó tạo ra sự ổn định đời sống của gia đình CBCNV của Công ty nói riêng và góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của thành phố Hải Phòng nói chung.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường;

Huấn luyện diễn tập phòng cháy chữa cháy. Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy, phòng chống bão lụt;

Diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu;

Xây dựng hệ thống chống sét, chống rò điện;

51  
G  
H  
V  
N  
V  
T

Lắp đặt các quạt thông gió, hệ thống hút bụi, hút hơi khí độc, nâng cấp làm cho nhà xưởng thông thoáng, chống nóng, ồn và các yếu tố độc hại lan truyền;

Thực hiện quan trắc môi trường;

Trồng và chăm sóc hệ thống cây xanh toàn Công ty;

Phòng chống dịch bệnh (phun thuốc diệt muỗi, côn trùng);

Thông hút bể phốt thường xuyên;

Thuê đơn vị chuyên môn thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn và rác thải;

Thực hiện vệ sinh hàng ngày khu vực bãi Cảng và khu làm việc văn phòng;

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Với sự chỉ đạo và định hướng tốt của Hội đồng quản trị; sự năng động, nhạy bén và tận dụng thời cơ, cơ hội của Ban điều hành; tinh thần lao động khẩn trương của đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty, năm 2023 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao về chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận;

Hội đồng quản trị luôn bám sát Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định khác của pháp luật có liên quan để điều hành, chỉ đạo Ban điều hành trong các hoạt động tổ chức sản xuất kinh doanh, đầu tư và mở rộng sản xuất;

Tăng cường sự quản lý của ban điều hành với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu chi, có biện pháp tiết kiệm, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; đầu tư theo hướng hiện đại các thiết bị, tính chuyên môn hóa cao, tạo sự phát triển ổn định lâu dài làm tiền đề để phát triển các dịch vụ sau cảng nhằm tăng cường năng lực khai thác cảng và nâng cao chất lượng dịch vụ;

Trong năm, Hội đồng quản trị đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị Công ty cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định; phê duyệt các Nghị quyết, quyết định các phương án đầu tư, quyết toán các dự án đầu tư và các vấn đề thuộc thẩm quyền theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp;

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, phối hợp giúp Ban Tổng giám đốc chỉ đạo điều hành tốt công tác sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn và thử thách.

Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 là 60% đảm bảo lợi ích cho cổ đông và tuân thủ các quy định về pháp luật chứng khoán;

Chủ tịch Hội đồng quản trị là thành viên chuyên trách, do đó thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phê duyệt. Phối hợp cùng với Ban điều hành tăng cường công tác tiếp thị, chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ. Ngoài việc giữ được các khách hàng lớn, khách hàng truyền thống, Công ty còn tiếp thị thêm được một số khách hàng mới sử dụng dịch vụ của Cảng Đình Vũ;

Chỉ đạo Tổng giám đốc kiểm tra, rà soát lại toàn bộ quy chế, quy định của Công ty để bổ sung, sửa đổi để phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ và tình hình sản xuất thực tế của Công ty;

Chỉ đạo Ban điều hành tăng cường công tác kiểm tra hiện trường, đặc biệt quan tâm đến an toàn lao động, an ninh trật tự bên Cảng;

Thường xuyên đôn đốc ban điều hành quan tâm đến môi trường làm việc của người lao động, giữ gìn vệ sinh bên cảng xanh – sạch – đẹp. Tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo luật định, duy trì và thực hiện có hiệu quả hệ thống quản lý môi trường theo ISO14001:2018;

Chỉ đạo và yêu cầu Tổng giám đốc Công ty thực hiện các quy định theo pháp luật chứng khoán đối với Công ty niêm yết;

Năm 2023, Hội đồng quản trị đã thường xuyên tổ chức họp định kỳ, họp đột xuất, tổng kết từng quý để thực hiện đúng chức năng, chỉ đạo kịp thời cho công tác đầu tư, sản xuất kinh doanh. Cùng với kiểm tra thực tế, Hội đồng quản trị đã bám sát tình hình sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư để có những biện pháp điều chỉnh, chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo thực hiện chặt chẽ các bước thủ tục đầu tư đồng thời tăng cường công tác quản lý mọi mặt các hoạt động của Công ty.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty**

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự cố gắng, nỗ lực và nhạy bén của Ban Tổng giám đốc. Trong bối cảnh thị trường hàng hóa có sự cạnh tranh khốc liệt nhưng Ban Tổng giám đốc đã có những chiến lược và chính sách kịp thời để giữ được khách hàng truyền thống, ổn định sản xuất;

Năm 2023 các doanh nghiệp vận tải biển vẫn còn gặp nhiều khó khăn, luồng vào cảng và trục giao thông bộ còn nhiều hạn chế, đặc biệt xung đột Nga – Ucraina ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế và chuỗi cung ứng toàn cầu... nhưng Ban Tổng giám đốc đã bám sát thị trường, chú trọng công tác chăm sóc khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ, điều hành Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 về chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận;



Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty; Quy chế quản trị Công ty và các văn bản pháp luật liên quan. Thực hiện tốt các chức năng trong quản trị, điều hành Công ty;

Công tác quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh đã bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2023, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các quy chế quản lý tài chính, tiền lương và các quy chế nội bộ khác của Công ty;

Thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản kịp thời, đúng tiến độ và kế hoạch đề ra, thực hiện quy trình đầu tư đúng thẩm quyền, đúng quy định, đúng luật... đảm bảo thiết bị đầu tư hiện đại, mang tính chuyên môn hóa cao về công nghệ, hiệu quả khai thác, tiết kiệm tối đa nguồn vốn đầu tư đã được phê duyệt;

Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị nên tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; do đó, công tác thu thập, tiếp nhận thông tin từ Hội đồng quản trị được kịp thời và giải quyết nhanh chóng;

Công tác báo cáo định kỳ của Ban Tổng giám đốc đã giúp Hội đồng quản trị xử lý và chỉ đạo kịp thời trong công tác chỉ đạo và hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh;

Yêu cầu Tổng Giám đốc thực hiện xin ý kiến bằng văn bản với các công tác đầu tư, tài chính, cơ cấu tổ chức và bổ nhiệm cán bộ trong thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị;

Các dự án đã được đầu tư trong năm 2023 phù hợp với kế hoạch và tuân thủ các quy định về đấu thầu, đầu tư mua sắm thiết bị của Công ty và pháp luật hiện hành, không để xảy ra tình trạng lãng phí và thất thoát vốn đầu tư;

Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo mối quan hệ tốt và bền vững với khách hàng truyền thống, tích cực tìm kiếm khách hàng mới nhằm đảm bảo duy trì hiệu suất hoạt động cho các phương tiện xếp dỡ;

Công ty quan tâm đến chất lượng lao động, làm tốt công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu công việc và sử dụng được các thiết bị tiên tiến, hiện đại;

Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã phản ánh đầy đủ, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đúng theo các chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành;

Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được thể hiện kiểm toán theo đúng quy định. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023;

Trong công tác quản trị tài chính, Công ty đã tuân thủ các quy định về quản lý vốn và quy chế quản lý tài chính;

Bên cạnh công tác sản xuất kinh doanh, công ty thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia tài trợ và hỗ trợ cho các chương trình từ thiện... Tổ chức cho đội

0200  
CÔNG  
CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ  
PHÁT TRIỂN  
THÀNH  
T. P. H.

ngũ cán bộ công nhân viên Công ty đi thăm quan, du lịch, nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động nhằm động viên và tăng sự gắn kết, cống hiến của người lao động với Công ty;

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023, chi tiết như sau:

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (bao gồm cả phụ trách quản trị Công ty không chuyên trách) năm 2023 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 thông qua: 2.000.000.000 đồng;

- Tổng mức thù lao thực hiện năm 2023: 2.000.000.000 đồng.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Tăng cường quản trị doanh nghiệp theo những thông lệ tiên tiến nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh;

Giữ vững và phấn đấu tăng trưởng ổn định các chỉ tiêu kinh tế (sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức);

Bảo toàn và phát triển vốn, thu hút được vốn đầu tư của các nhà đầu tư chiến lược, ưu tiên các đối tác là doanh nghiệp có lợi ích từ dịch vụ khai thác cảng;

Xây dựng kế hoạch và chiến lược kinh doanh phù hợp, nâng cao chất lượng dịch vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh; có chính sách mềm dẻo trong quan hệ với khách hàng trên cơ sở hợp tác cùng có lợi và phát triển nhằm duy trì những khách hàng hiện có và tiếp cận những khách hàng mới;

Công ty định hướng tiếp tục thực hiện chủ trương xây dựng, đầu tư theo chiều sâu để trở thành một cảng hiện đại, có trình độ quản lý tiên tiến, đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường, phát triển một cách bền vững, từng bước thay đổi công nghệ và ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến thân thiện với môi trường vào quản lý, sản xuất kinh doanh;

Đầu tư mở rộng sản xuất ra khu vực Lạch Huyện, Cát Hải;

Tập trung đầu tư, phát triển hệ thống CNTT theo hướng hiện đại hóa, đưa CNTT trở thành hoạt động xương sống trong hoạt động quản trị và khai thác cảng, tạo lợi thế cạnh tranh cho Công ty;

Đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động;

Chú trọng công tác nhân lực, tổ chức đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời có kế hoạch để trẻ hóa nguồn nhân lực.

## **V. Quản trị công ty**

### **1. Hội đồng quản trị**

*1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:*

17/11/2023  
1 PV

- Đến 31/12/2022: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên, cơ cấu và danh sách như sau:

- Cơ cấu:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách: 01;  
+ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: 01;  
+ Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: 01;  
+ Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp điều hành: 02;  
+ Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành: 03;  
+ Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ thành viên Hội đồng quản trị tại các Công ty khác: 03 thành viên (Ông Nguyễn Tiến Dũng, Ông Chu Minh Hoàng và Ông Nguyễn Việt Hải).

- *Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:*

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Vũ Tuấn Dương;  
Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 20% vốn điều lệ tương đương 8.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Tiến Dũng  
Đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản với 18,7% vốn điều lệ tương đương 7.480.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Cao Văn Tĩnh  
Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 18,5% vốn điều lệ tương đương 7.400.000 cổ phần có quyền biểu quyết;

Số cổ phần sở hữu cá nhân 3.600 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,009% vốn điều lệ;

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện: 7.403.600 cổ phần có quyền biểu quyết tương đương 18,509% vốn điều lệ.

+ Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Chu Minh Hoàng  
Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 12,5% vốn điều lệ tương đương 5.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Việt Hải  
Thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

### *1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị:*

Hội đồng quản trị hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, các quy chế, quy định của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị họp định kỳ một lần/một quý, ngoài ra có những cuộc họp đột xuất hoặc xin ý kiến Hội đồng quản trị để chỉ đạo kịp thời công tác tổ chức quản lý sản xuất, đầu tư xây dựng cơ bản và các vấn đề khác.

| STT | Thành viên HĐQT  | Chức vụ       | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỉ lệ tham dự |
|-----|------------------|---------------|--------------------------|---------------|
| 1   | Vũ Tuấn Dương    | Chủ tịch HĐQT | 7/7                      | 100%          |
| 2   | Nguyễn Tiến Dũng | Phó CT HĐQT   | 7/7                      | 100%          |
| 3   | Cao Văn Tĩnh     | TV HĐQT       | 7/7                      | 100%          |
| 4   | Chu Minh Hoàng   | TV HĐQT       | 7/7                      | 100%          |
| 5   | Nguyễn Việt Hải  | TV HĐQT       | 7/7                      | 100%          |

Các nghị quyết của HĐQT:

| Stt | Số Nghị quyết | Số Quyết định | Ngày       | Nội dung   |
|-----|---------------|---------------|------------|--|
| 1   | 02/NQ-HĐQT    |               | 15/02/2023 | Về việc phê duyệt dự thảo hợp đồng năm 2023 giữa Công ty với Người có liên quan là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng và Công ty TNHH tiếp vận SITC – Đình Vũ. |
| 2   | 03/NQ-HĐQT    |               | 15/02/2023 | Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh Quý IV/2022;<br>Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý I/2023.   |
| 3   | 04/NQ-HĐQT    |               | 15/02/2023 | Về việc thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023  |
| 4   | 07/NQ-HĐQT    |               | 11/4/2023  | Về việc gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023  |
| 5   | 09/NQ-HĐQT    |               | 13/4/2023  | Về việc thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023  |
| 8   | 11/NQ-HĐQT    |               | 19/5/2023  | Thông qua kết quả SXKD Quý I/2023 và kế hoạch SXKD Quý II/2023<br>Tài liệu trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2023                                      |
| 9   | 17/NQ-HĐQT    |               | 13/6/2023  | Về việc Chia cổ tức đợt 2/2022   |
| 10  | 18/NQ-HĐQT    |               | 13/6/2023  | Về việc bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT  |





|    |                |                |            |   |
|----|----------------|----------------|------------|---|
| 11 | 19/NQ-<br>HĐQT |                | 04/7/2023  | Về việc bổ nhiệm lại chức danh Kế toán trưởng Công ty   |
| 12 | 20/NQ-<br>HĐQT |                | 10/7/2023  | Về việc phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán cho việc soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty                   |
| 13 | 22/NQ-<br>HĐQT |                | 09/8/2023  | Về việc kết quả sản xuất kinh doanh Quý 2/2023, kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý 3/2023   |
| 14 | 24/NQ-<br>HĐQT |                | 23/8/2023  | Về việc phê duyệt Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty  |
| 15 |                | 06/QĐ-<br>HĐQT | 23/8/2023  | Về việc ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty   |
| 16 | 30/NQ-<br>HĐQT |                | 24/10/2023 | Về việc kết quả sản xuất kinh doanh Quý 3/2023, kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý 4/2023   |
| 17 | 33/NQ-<br>HĐQT |                | 17/11/2023 | Về việc chủ trương Dự án đầu tư kho bãi tại khu vực Lạch Huyện – Cát Hải  |
| 18 | 35/NQ-<br>HĐQT |                | 27/11/2023 | Về việc tạm ứng cổ tức năm 2023   |
| 19 | 36/NQ-<br>HĐQT |                | 14/12/2023 | Về việc chấp thuận việc ký kết hợp đồng năm 2024 giữa Công ty với Người có liên quan là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng và Công ty TNHH tiếp vận SITC-Đình Vũ. |

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; Thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của mình theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và các văn bản pháp luật liên quan.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty giao thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách vấn đề lương thưởng và nhân sự.

## 2. Ban Kiểm soát

### 2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Thành viên Ban kiểm soát: 03 thành viên

### 2.2 Cơ cấu Ban kiểm soát:

- Trưởng Ban kiểm soát: 01;

- Thành viên Ban kiểm soát: 02.

### 2.3 Danh sách thành viên Ban kiểm soát

- Trưởng Ban kiểm soát: Bà Trần Thị Thanh Hải
- Thành viên Ban kiểm soát: Ông Cao Xuân Hợp
- Thành viên Ban kiểm soát: Ông Vũ Hoàng Lâm, số cổ phần sở hữu cá nhân 7.600 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,019% vốn điều lệ

### 2.4 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, các quy chế, quy định của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Trong năm 2023, ban kiểm soát đã tiến hành họp 4 lần (01 lần/quý), đồng thời Trưởng ban kiểm soát được tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty. Do đó, việc nắm bắt thông tin, kiểm soát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các hoạt động khác của Công ty được kịp thời;

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tiến hành thực hiện giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các kế hoạch đề ra của Công ty.

### 3. Thủ lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

a) Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (đồng):

| Họ và tên                            | Năm 2022      | Năm 2023      |
|--------------------------------------|---------------|---------------|
| Vũ Tuấn Dương – Chủ tịch HĐQT        | 1.721.859.913 | 1.695.149.246 |
| Nguyễn Tiến Dũng - Phó Chủ tịch HĐQT | 307.520.000   | 320.000.000   |
| Chu Minh Hoàng - Ủy viên HĐQT        | 288.300.000   | 300.000.000   |
| Cao Văn Tĩnh - Ủy viên HĐQT, TGD     | 2.015.559.720 | 2.000.282.623 |
| Nguyễn Việt Hải - Ủy viên HĐQT       | 288.300.000   | 300.000.000   |
| Trần Thị Thanh Hải - Trưởng BKS      | 288.300.000   | 300.000.000   |
| Cao Xuân Hợp - Thành viên BKS        | 153.760.000   | 160.000.000   |
| Vũ Hoàng Lâm - Thành viên BKS        | 153.760.000   | 160.000.000   |

b) Tiền lương của người quản lý, người điều hành (đồng):

| Nội dung   | Năm 2022      | Năm 2023      |
|--|---------------|---------------|
| Tiền lương người quản lý, người điều hành khác của Công ty | 1.877.225.882 | 2.005.101.337 |

3577  
CÔNG TY  
HẠN  
TRÁCH  
NHỮNG  
PHỤ

- d) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có.
- e) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có.
- f) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Tuân thủ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ quản trị Công ty, pháp luật về chứng khoán và các quy định của pháp luật trong công tác quản trị Công ty;

Các thông tin liên quan đến lợi ích của cổ đông, các báo cáo định kỳ đều được công bố thông tin kịp thời đảm bảo tuân thủ quy định về pháp luật chứng khoán.

## VI. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán và ý kiến của kiểm toán được đính kèm báo cáo thường niên này./.

### Nơi nhận:

- Như k/g;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD, TCKT;
- Lưu: VT, TK HĐQT.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cao Văn Tĩnh



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023  
(đã được kiểm toán)

## NỘI DUNG

|                                      | <b>Trang</b> |
|--------------------------------------|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc        | 02-03        |
| Báo cáo kiểm toán độc lập            | 04-05        |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  | 06-34        |
| Bảng cân đối kế toán                 | 06-07        |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 08           |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | 09           |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính        | 10-34        |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được thành lập theo Quyết định số 990/QĐ/TGD ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt phương án đầu tư khai thác Cảng Đình Vũ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200511481 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14 ngày 01 năm 2003 và sửa đổi lần thứ 07 ngày 12 tháng 7 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                      |              |                              |
|----------------------|--------------|------------------------------|
| Ông Vũ Tuấn Dương    | Chủ tịch     | Tái bổ nhiệm ngày 12/06/2023 |
| Ông Nguyễn Tiến Dũng | Phó Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 12/06/2023 |
| Ông Cao Văn Tĩnh     | Thành viên   | Tái bổ nhiệm ngày 12/06/2023 |
| Ông Chu Minh Hoàng   | Thành viên   | Tái bổ nhiệm ngày 12/06/2023 |
| Ông Nguyễn Việt Hải  | Thành viên   | Tái bổ nhiệm ngày 12/06/2023 |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                     |                   |
|---------------------|-------------------|
| Ông Cao Văn Tĩnh    | Tổng Giám đốc     |
| Ông Triệu Thế Thuận | Phó Tổng Giám đốc |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

|                       |            |                              |
|-----------------------|------------|------------------------------|
| Bà Trần Thị Thanh Hải | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 12/06/2023 |
| Ông Vũ Hoàng Lâm      | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 12/06/2023 |
| Ông Cao Xuân Hợp      | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 12/06/2023 |

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Cao Văn Tĩnh  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 02 năm 2024

Số: 270224.004/BCTC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được lập ngày 27 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



---

Nguyễn Tuấn Anh  
Giám đốc kiểm toán  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 1369-2023-002-1

---

Đỗ Hoàng Hải  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 5220-2020-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2024

UHA  
TOA  
10.10.2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

| Mã số | TÀI SẢN                                     | Thuyết minh | 31/12/2023               | 01/01/2023               |
|-------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
|       |   |             | VND                      | VND                      |
| 100   | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN                         |             | 1.246.938.786.896        | 1.217.425.344.732        |
| 110   | I. Tiền và các khoản tương đương tiền       | 3           | 14.626.432.968           | 37.477.068.220           |
| 111   | 1. Tiền                                     |             | 14.626.432.968           | 37.477.068.220           |
| 120   | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn               |             | 1.145.000.000.000        | 1.053.000.000.000        |
| 123   | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn          | 4a          | 1.145.000.000.000        | 1.053.000.000.000        |
| 130   | III. Các khoản phải thu ngắn hạn            |             | 65.975.152.514           | 111.602.167.106          |
| 131   | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng         | 5           | 41.122.479.980           | 56.775.715.455           |
| 132   | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn         | 6           | 667.479.000              | 28.043.927.176           |
| 136   | 3. Phải thu ngắn hạn khác                   | 7           | 24.185.193.534           | 26.782.524.475           |
| 140   | IV. Hàng tồn kho                            | 8           | 8.993.002.953            | 9.374.316.379            |
| 141   | 1. Hàng tồn kho                             |             | 8.993.002.953            | 9.374.316.379            |
| 150   | V. Tài sản ngắn hạn khác                    |             | 12.344.198.461           | 5.971.793.027            |
| 151   | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn               | 10          | 1.162.241.986            | 3.366.109.895            |
| 152   | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                  |             | 8.991.768.075            | 415.495.032              |
| 153   | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 14          | 2.190.188.400            | 2.190.188.100            |
| 200   | B. TÀI SẢN DÀI HẠN                          |             | 388.837.215.598          | 280.393.640.786          |
| 210   | I. Các khoản phải thu dài hạn               |             | 122.986.000              | 158.986.000              |
| 216   | 1. Phải thu dài hạn khác                    | 7           | 122.986.000              | 158.986.000              |
| 220   | II. Tài sản cố định                         |             | 238.920.770.847          | 116.435.096.770          |
| 221   | 1. Tài sản cố định hữu hình                 | 11          | 238.860.932.137          | 116.287.068.088          |
| 222   | - Nguyên giá                                |             | 1.417.042.994.954        | 1.241.238.824.144        |
| 223   | - Giá trị hao mòn lũy kế                    |             | (1.178.182.062.817)      | (1.124.951.756.056)      |
| 227   | 2. Tài sản cố định vô hình                  | 12          | 59.838.710               | 148.028.682              |
| 228   | - Nguyên giá                                |             | 6.235.104.700            | 6.235.104.700            |
| 229   | - Giá trị hao mòn lũy kế                    |             | (6.175.265.990)          | (6.087.076.018)          |
| 240   | IV. Tài sản dở dang dài hạn                 |             | 516.000.000              | 18.181.818               |
| 242   | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang          | 9           | 516.000.000              | 18.181.818               |
| 250   | V. Đầu tư tài chính dài hạn                 |             | 123.627.173.950          | 137.307.173.950          |
| 252   | 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết  | 4b          | 123.627.173.950          | 137.307.173.950          |
| 260   | VI. Tài sản dài hạn khác                    |             | 25.650.284.801           | 26.474.202.248           |
| 261   | 1. Chi phí trả trước dài hạn                | 10          | 25.650.284.801           | 26.474.202.248           |
| 270   | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                    |             | <b>1.635.776.002.494</b> | <b>1.497.818.985.518</b> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN  | Thuyết minh | 31/12/2023               | 01/01/2023               |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
|       |  |             | VND                      | VND                      |
| 300   | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                |             | <b>259.763.124.591</b>   | <b>114.985.215.452</b>   |
| 310   | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                |             | <b>259.763.124.591</b>   | <b>114.985.215.452</b>   |
| 311   | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                       | 13          | 36.180.089.439           | 24.372.939.227           |
| 312   | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                 |             | 203.431.343              | 318.645.384              |
| 313   | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước               | 14          | 12.035.396.843           | 19.164.921.864           |
| 314   | 4. Phải trả người lao động                           |             | 42.735.838.637           | 37.065.344.913           |
| 315   | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                         | 15          | 393.937.607              | 21.681.905               |
| 319   | 6. Phải trả ngắn hạn khác                            | 16          | 109.348.172.153          | 6.668.152.890            |
| 321   | 7. Dự phòng phải trả ngắn hạn                        | 17          | 48.176.200.000           | 14.160.188.100           |
| 322   | 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi                          |             | 10.690.058.569           | 13.213.341.169           |
| 400   | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                             |             | <b>1.376.012.877.903</b> | <b>1.382.833.770.066</b> |
| 410   | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                             | 18          | <b>1.376.012.877.903</b> | <b>1.382.833.770.066</b> |
| 411   | 1. Vốn góp của chủ sở hữu                            |             | 400.000.000.000          | 400.000.000.000          |
| 411a  | <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>        |             | <i>400.000.000.000</i>   | <i>400.000.000.000</i>   |
| 414   | 2. Vốn khác của chủ sở hữu                           |             | 123.627.173.950          | 137.307.173.950          |
| 418   | 3. Quỹ đầu tư phát triển                             |             | 505.645.770.565          | 491.965.770.565          |
| 421   | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                 |             | 346.739.933.388          | 353.560.825.551          |
| 421a  | <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i> |             | <i>116.060.825.551</i>   | <i>110.180.470.808</i>   |
| 421b  | <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>                   |             | <i>230.679.107.837</i>   | <i>243.380.354.743</i>   |
| 440   | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                           |             | <b>1.635.776.002.494</b> | <b>1.497.818.985.518</b> |

*[Signature]*

Lê Thị Hải Thành  
Người lập

*[Signature]*

Đoàn Minh Trung  
Kế toán trưởng



*[Signature]*

Cao Văn Tĩnh  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 02 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2023

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2023               | Năm 2022               |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
|       |  |             | VND                    | VND                    |
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 20          | 549.212.097.848        | 584.923.614.755        |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                  |             | -                      | -                      |
| 10    | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ  |             | 549.212.097.848        | 584.923.614.755        |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán                              | 21          | 321.626.728.199        | 274.417.319.276        |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ |             | 227.585.369.649        | 310.506.295.479        |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                 | 22          | 156.456.764.258        | 99.112.992.813         |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                             | 23          | 243.515.043            | 1.168.807.436          |
| 23    | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                 |             | -                      | -                      |
| 25    | 8. Chi phí bán hàng                              |             | -                      | -                      |
| 26    | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                  | 24          | 69.812.520.556         | 62.610.868.380         |
| 30    | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh      |             | 313.986.098.308        | 345.839.612.476        |
| 31    | 11. Thu nhập khác                                | 25          | 134.071.264.381        | 217.212.432            |
| 32    | 12. Chi phí khác                                 | 26          | 49.600.503.803         | 1.001.306.238          |
| 40    | 13. Lợi nhuận khác                               |             | 84.470.760.578         | (784.093.806)          |
| 50    | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế            |             | 398.456.858.886        | 345.055.518.670        |
| 51    | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 27          | 67.777.751.049         | 61.675.163.926         |
| 52    | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại  |             | -                      | -                      |
| 60    | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp     |             | <u>330.679.107.837</u> | <u>283.380.354.744</u> |
| 70    | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                     | 28          | 8.267                  | 7.085                  |



Lê Thị Hải Thành  
Người lập



Đoàn Minh Trung  
Kế toán trưởng



Cao Văn Tĩnh  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 02 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2023

(Theo phương pháp trực tiếp)

| Mã số  | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2023<br>VND          | Năm 2022<br>VND          |
|--|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |  |             |                          |                          |
| 01   | 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác                  |             | 597.183.573.107          | 598.964.850.284          |
| 02   | 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ                       |             | (189.851.029.851)        | (167.779.534.802)        |
| 03   | 3. Tiền chi trả cho người lao động   |             | (129.264.183.743)        | (125.020.084.168)        |
| 05   | 4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   |             | (74.537.334.060)         | (58.462.518.310)         |
| 06   | 5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                     |             | 131.439.116.485          | 2.098.437.628            |
| 07   | 6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                    |             | (89.337.979.455)         | (63.372.334.299)         |
| 20   | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                         |             | <b>245.632.162.483</b>   | <b>186.428.816.333</b>   |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>     |  |             |                          |                          |
| 21   | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác |             | (140.588.032.168)        | (2.191.817.955)          |
| 23   | 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                      |             | (2.251.000.000.000)      | (1.894.000.000.000)      |
| 24   | 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác              |             | 2.159.000.000.000        | 1.865.000.000.000        |
| 26   | 4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                               |             | 19.124.640.000           | -                        |
| 27   | 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                       |             | 144.508.203.946          | 88.736.055.416           |
| 30   | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                             |             | <b>(68.955.188.222)</b>  | <b>57.544.237.461</b>    |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |  |             |                          |                          |
| 36   | 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                   |             | (200.021.730.000)        | (239.584.568.250)        |
| 40   | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                          |             | <b>(200.021.730.000)</b> | <b>(239.584.568.250)</b> |
| 50   | <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                       |             | <b>(23.344.755.739)</b>  | <b>4.388.485.544</b>     |
| 60   | <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                      |             | <b>37.477.068.220</b>    | <b>32.809.393.887</b>    |
| 61   | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                      |             | 494.120.487              | 279.188.789              |
| 70   | <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                     | <b>3</b>    | <b>14.626.432.968</b>    | <b>37.477.068.220</b>    |

Lê Thị Hải Thành  
Người lập

Đoàn Minh Trung  
Kế toán trưởng



Cao Văn Tĩnh  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 02 năm 2024

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được thành lập theo Quyết định số 990/QĐ/TGD ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt phương án đầu tư khai thác Cảng Đình Vũ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200511481 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14 ngày 01 năm 2003 và sửa đổi lần thứ 07 ngày 12 tháng 7 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 400.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 400.000.000.000 đồng; tương đương 40.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 421 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 429 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ hàng hải và cảng biển.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh kho bãi;
- Vận tải hàng hóa đa phương thức; Dịch vụ hàng hải;
- Dịch vụ kho vận, dịch vụ kho ngoại quan và dịch vụ hàng chuyển khẩu, quá cảnh.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2023, ảnh hưởng của sự cố cản trục STS01 và suy thoái kinh tế khiến cho năng lực và sản lượng khai thác của Công ty sụt giảm. Bên cạnh đó, chi phí sản xuất kinh doanh tăng cao khiến cho lợi nhuận gộp năm nay giảm 26,7% so với năm trước. Tuy nhiên, doanh thu tài chính từ lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia trong năm tăng mạnh so với năm trước, cùng với khoản lợi nhuận nhận được từ tiền bồi thường sự cố cản trục STS01 khiến cho kết quả kinh doanh năm 2023 tăng trưởng mạnh hơn so với năm 2022.

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

48  
CÔNG TY  
HẢI AN  
VÀ  
HẢI PHÒNG  
VỊ  
HẢI

## 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

## 2.4 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

## 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## 2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

|                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 07 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 20 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 06 năm |
| - Phần mềm                        | 03 - 05 năm |

## 2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.13 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

**2.14 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.16 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

### 2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

### 2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 2.19 . Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### a) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

#### b) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### 2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### 2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.24 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN

|                                 | 31/12/2023            | 01/01/2023            |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                 | VND                   | VND                   |
| Tiền mặt                        | 374.490.356           | 354.593.484           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 14.251.942.612        | 37.122.474.736        |
|                                 | <u>14.626.432.968</u> | <u>37.477.068.220</u> |

## 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

| a)                 | 31/12/2023               |                 | 01/01/2023               |                 |
|--------------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|
|                    | Giá gốc<br>VND           | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND           | Dự phòng<br>VND |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 1.145.000.000.000        | -               | 1.053.000.000.000        | -               |
|                    | <u>1.145.000.000.000</u> | <u>-</u>        | <u>1.053.000.000.000</u> | <u>-</u>        |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 1.145.000.000.000 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 7,6%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ**

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

|  | 31/12/2023             |                           | 01/01/2023      |                        |
|--|------------------------|---------------------------|-----------------|------------------------|
|  | Giá gốc<br>VND         | Giá trị hợp lý (*)<br>VND | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND         |
| Đầu tư vào Công ty liên kết                | 123.627.173.950        | -                         | -               | 137.307.173.950        |
| - Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ (1) | 123.627.173.950        | -                         | -               | 123.627.173.950        |
| - Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ (2)     | -                      | -                         | -               | 13.680.000.000         |
|  | <b>123.627.173.950</b> | <b>-</b>                  | <b>-</b>        | <b>137.307.173.950</b> |

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Vạn tài Đường Thùy Châu Á (SITC) ký tháng 7 năm 2010, hai bên đã thống nhất góp vốn thành lập công ty liên doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ với vốn điều lệ là 145.852.000.000 đồng, trong đó Công ty góp 74.384.520.000 đồng (tương đương 3.570.000 USD), chiếm 51% vốn điều lệ (tỷ lệ biểu quyết là 50%). Theo Nghị quyết số 11/SITC/NQ-HĐTV ngày 01 tháng 08 năm 2013 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ về việc tăng vốn điều lệ để đầu tư mở rộng sản xuất với số vốn góp tăng thêm là 5.000.000 USD, trong đó Công ty góp 51% (tương đương 2.500.000 USD). Tổng số vốn góp của Công ty là 128.672.013.800 đồng (tương đương 6.120.000 USD), chiếm 51% vốn điều lệ và 50% tỷ lệ quyền biểu quyết. Tại ngày 04 tháng 09 năm 2020, Công ty đã chuyển nhượng 2% vốn góp tại Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 01/03/2018 của Hội đồng quản trị. Sau các giao dịch trên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang sở hữu 49% vốn điều lệ của Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ tương đương số tiền 123.627.173.950 đồng. Hoạt động chính của Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ là kinh doanh kho bãi, lưu giữ, bốc xếp và vận tải hàng hóa.

(2) Theo biên bản góp vốn ngày 14 tháng 10 năm 2011, Công ty, Công ty Cổ phần Vạn Xuân, Công ty Cổ phần đầu tư Thương mại và Dịch vụ Đình Vũ và các cổ đông khác quyết định thành lập Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ với số vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng, trong đó Công ty góp 13.680.000.000 đồng (chiếm 45,6 % vốn điều lệ). Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ đi vào hoạt động từ ngày 17 tháng 12 năm 2011 với hoạt động chính là kinh doanh kho bãi, lưu giữ, bốc xếp và vận tải hàng hóa. Theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 10 năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ đã thông qua quyết định về việc giải thể công ty. Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ đã hoàn tất việc giải thể theo Thông báo số 28168/23 ngày 04 tháng 07 năm 2023 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng và Công ty đã thu hồi toàn bộ khoản đầu tư này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ**

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

|  | 31/12/2023            |          | 01/01/2023            |          |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|  | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
|  | VND                   | VND      | VND                   | VND      |
| <b>Bên liên quan</b>   | <b>2.485.089.396</b>  | -        | <b>1.842.119.455</b>  | -        |
| Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng   | -                     | -        | 7.128.000             | -        |
| Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ   | 32.151.600            | -        | 39.074.400            | -        |
| Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP                | 30.890.051            | -        | 277.134.696           | -        |
| Dịch vụ hàng hải Phương Đông (ORIMAS) - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam | 2.422.047.745         | -        | 1.518.782.359         | -        |
| <b>Bên khác</b>  | <b>38.637.390.584</b> | -        | <b>54.933.596.000</b> | -        |
| Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ   | 1.759.323.781         | -        | 397.305.029           | -        |
| SITC Container Lines Co., Ltd  | 32.427.170.314        | -        | 46.418.157.382        | -        |
| Công ty TNHH KMTC (Việt Nam)   | -                     | -        | 1.441.708.349         | -        |
| Phải thu khách hàng khác   | 4.450.896.489         | -        | 6.676.425.240         | -        |
|  | <b>41.122.479.980</b> | -        | <b>56.775.715.455</b> | -        |

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|   | 31/12/2023         |          | 01/01/2023            |          |
|---|--------------------|----------|-----------------------|----------|
|   | Giá trị            | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
|   | VND                | VND      | VND                   | VND      |
| <b>Bên liên quan</b>  | <b>106.020.000</b> | -        | <b>106.020.000</b>    | -        |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình hàng hải tại Hải Phòng | 106.020.000        | -        | 106.020.000           | -        |
| <b>Bên khác</b>   | <b>561.459.000</b> | -        | <b>27.937.907.176</b> | -        |
| Kocks Ardelt Kranbau GMBH   | -                  | -        | 27.153.351.174        | -        |
| Cao Đức Ngọc  | 394.459.000        | -        | -                     | -        |
| Trả trước cho người bán khác  | 167.000.000        | -        | 784.556.002           | -        |
|   | <b>667.479.000</b> | -        | <b>28.043.927.176</b> | -        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ**

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**7 . PHẢI THU KHÁC**

|  | 31/12/2023            |                 | 01/01/2023            |                 |
|--|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
|  | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                                     |                       |                 |                       |                 |
| <b>a.1) Chi tiết theo nội dung</b>                     |                       |                 |                       |                 |
| Phải thu về lãi tiền gửi                               | 21.783.093.151        | -               | 20.244.013.698        | -               |
| Phải thu người lao động                                | 109.601.881           | -               | 552.386.566           | -               |
| Phải thu về bảo hiểm xã hội                            | 120.556.609           | -               | 118.457.225           | -               |
| Phải thu về bảo hiểm y tế                              | 654.500               | -               | 58.124                | -               |
| Tạm ứng  | 37.423.393            | -               | 3.672.640             | -               |
| Phải thu về cho mượn vật tư                            | 2.133.864.000         | -               | 2.133.864.000         | -               |
| Phải thu về bồi thường vật chất do va chạm tàu         | -                     | -               | 3.730.072.222         | -               |
|  | <b>24.185.193.534</b> | <b>-</b>        | <b>26.782.524.475</b> | <b>-</b>        |
| <b>a.2) Chi tiết theo đối tượng</b>                    |                       |                 |                       |                 |
| Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng            | 8.889.438.356         | -               | 9.846.616.438         | -               |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hải Phòng  | 9.630.652.055         | -               | 10.397.397.260        | -               |
| Các đối tượng khác                                     | 5.665.103.123         | -               | 6.538.510.777         | -               |
|  | <b>24.185.193.534</b> | <b>-</b>        | <b>26.782.524.475</b> | <b>-</b>        |
| <b>b) Dài hạn</b>                                      |                       |                 |                       |                 |
| <b>b.1) Chi tiết theo nội dung</b>                     |                       |                 |                       |                 |
| Phải thu người lao động về bồi thường tổn thất         | 122.986.000           | -               | 158.986.000           | -               |
|  | <b>122.986.000</b>    | <b>-</b>        | <b>158.986.000</b>    | <b>-</b>        |
| <b>b.2) Chi tiết theo đối tượng</b>                    |                       |                 |                       |                 |
| Phạm Ngọc Tiên   | 83.486.000            | -               | 101.486.000           | -               |
| Hoàng Trường   | 39.500.000            | -               | 57.500.000            | -               |
|  | <b>122.986.000</b>    | <b>-</b>        | <b>158.986.000</b>    | <b>-</b>        |
| <b>c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b> |                       |                 |                       |                 |
| Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng                         | 2.133.864.000         | -               | 2.133.864.000         | -               |
|  | <b>2.133.864.000</b>  | <b>-</b>        | <b>2.133.864.000</b>  | <b>-</b>        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ**

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**8 . HÀNG TỒN KHO**

|                       | 31/12/2023           |          | 01/01/2023           |          |
|-----------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                       | Giá gốc              | Dự phòng | Giá gốc              | Dự phòng |
|                       | VND                  | VND      | VND                  | VND      |
| Nguyên liệu, vật liệu | 940.744.386          | -        | 859.024.770          | -        |
| Công cụ, dụng cụ      | 8.052.258.567        | -        | 8.515.291.609        | -        |
|                       | <b>8.993.002.953</b> | <b>-</b> | <b>9.374.316.379</b> | <b>-</b> |

**9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

|   | 31/12/2023         | 01/01/2023        |
|---|--------------------|-------------------|
|   | VND                | VND               |
| Xây dựng cơ bản dở dang   | -                  | <b>18.181.818</b> |
| - Tư vấn kiểm định cầu tàu số 1 lắp đặt cần trục chân đế                      | -                  | 18.181.818        |
| Mua sắm tài sản cố định   | <b>516.000.000</b> | -                 |
| - Phần mềm quản lý, khai thác container theo thời gian thực tại bãi container | 516.000.000        | -                 |
|   | <b>516.000.000</b> | <b>18.181.818</b> |

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|   | 31/12/2023            | 01/01/2023            |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| a) Ngắn hạn                                     |                       |                       |
| Chi phí mua bảo hiểm                            | 874.746.161           | 481.981.027           |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định                | 116.247.825           | 2.801.663.868         |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác                 | 171.248.000           | 82.465.000            |
|   | <b>1.162.241.986</b>  | <b>3.366.109.895</b>  |
| b) Dài hạn                                      |                       |                       |
| Chi phí thuê đất Khu Công nghiệp MP Đình Vũ (*) | 25.591.055.797        | 26.354.967.913        |
| Chi phí trả trước dài hạn khác                  | 59.229.004            | 119.234.335           |
|   | <b>25.650.284.801</b> | <b>26.474.202.248</b> |

(\*) Công ty đã trả hết tiền thuê cho toàn bộ thời gian thuê và phân bổ dần vào chi phí theo thời hạn thuê.  
Thông tin chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 19a.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐỊNH VŨ**

Cảng Định Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|   | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị      | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng                     |
|---|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|--------------------------|
|   | VND                    | VND                    | VND                             | VND                       | VND                      |
| Nguyên giá  |                        |                        |                                 |                           |                          |
| Số dư đầu năm   | 471.463.812.307        | 625.059.678.415        | 125.591.167.427                 | 19.124.165.995            | 1.241.238.824.144        |
| - Mua trong năm   | 62.093.092             | -                      | -                               | 455.100.000               | 517.193.092              |
| - Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (*)   | -                      | 175.286.977.718        | -                               | -                         | 175.286.977.718          |
| Số dư cuối năm  | <b>471.525.905.399</b> | <b>800.346.656.133</b> | <b>125.591.167.427</b>          | <b>19.579.265.995</b>     | <b>1.417.042.994.954</b> |
| Giá trị hao mòn lũy kế  |                        |                        |                                 |                           |                          |
| Số dư đầu năm   | 409.632.682.830        | 576.815.834.189        | 120.372.483.401                 | 18.130.755.636            | 1.124.951.756.056        |
| - Khấu hao trong năm  | 16.834.842.814         | 33.130.832.399         | 2.777.011.188                   | 487.620.360               | 53.230.306.761           |
| Số dư cuối năm  | <b>426.467.525.644</b> | <b>609.946.666.588</b> | <b>123.149.494.589</b>          | <b>18.618.375.996</b>     | <b>1.178.182.062.817</b> |
| Giá trị còn lại   |                        |                        |                                 |                           |                          |
| Tại ngày đầu năm  | 61.831.129.477         | 48.243.844.226         | 5.218.684.026                   | 993.410.359               | 116.287.068.088          |
| Tại ngày cuối năm   | <b>45.058.379.755</b>  | <b>190.399.989.545</b> | <b>2.441.672.838</b>            | <b>960.889.999</b>        | <b>238.860.932.137</b>   |
| Trong đó:   |                        |                        |                                 |                           |                          |
| - Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 988.112.388.500 đồng. |                        |                        |                                 |                           |                          |

(\*) Tài sản cố định tăng trong năm từ đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành là 02 căn trực chân đế kiểu quay TUKAN sức nâng 45 tấn

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và phần mềm khai thác với nguyên giá là 6.235.104.700 đồng, giá trị hao mòn lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 6.175.265.990 đồng, giá trị khấu hao trong năm là 88.189.972 đồng. Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.055.104.700 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ**

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|   | 31/12/2023            |                          | 01/01/2023            |                          |
|---|-----------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|
|   | Giá trị               | Số có khả năng<br>trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng<br>trả nợ |
|   | VND                   | VND                      | VND                   | VND                      |
| <b><i>Bên liên quan</i></b>   | <b>10.297.286.533</b> | <b>10.297.286.533</b>    | <b>7.671.930.344</b>  | <b>7.671.930.344</b>     |
| Công ty Cổ phần<br>Cảng Hải Phòng   | 10.017.296.533        | 10.017.296.533           | 7.389.906.344         | 7.389.906.344            |
| Công ty Cổ phần<br>Lái dất và Vận tải<br>Cảng Hải Phòng   | 279.990.000           | 279.990.000              | 240.516.000           | 240.516.000              |
| Công ty TNHH<br>MTV Đào tạo kỹ<br>thuật nghiệp vụ<br>Cảng Hải Phòng                                       | -                     | -                        | 36.000.000            | 36.000.000               |
| Dịch vụ hàng hải<br>Phương Đông<br>(ORIMAS) - Chi<br>nhánh Công ty Cổ<br>phần Đại lý Hàng<br>hải Việt Nam | -                     | -                        | 5.508.000             | 5.508.000                |
| <b><i>Bên khác</i></b>  | <b>25.882.802.906</b> | <b>25.882.802.906</b>    | <b>16.701.008.883</b> | <b>16.701.008.883</b>    |
| Công ty Cổ<br>phần Kết cấu<br>thép và Thiết bị<br>nâng Việt Nam   | 12.951.900.000        | 12.951.900.000           | -                     | -                        |
| Công ty TNHH<br>Xây dựng Chấn<br>Nam  | 2.839.447.000         | 2.839.447.000            | -                     | -                        |
| Công ty Cổ<br>phần Vạn Xuân   | 1.187.886.060         | 1.187.886.060            | 1.198.384.740         | 1.198.384.740            |
| Công ty Cổ<br>phần Thương<br>mại Duy Linh   | -                     | -                        | 5.511.162.705         | 5.511.162.705            |
| Công ty Cổ phần<br>Kinh doanh đầu tư<br>và Phát triển Hà<br>Linh  | 2.260.043.640         | 2.260.043.640            | 2.073.370.500         | 2.073.370.500            |
| Công ty Cổ phần<br>Dịch vụ tàu biển<br>Đình Vũ  | 1.257.638.400         | 1.257.638.400            | 1.637.496.000         | 1.637.496.000            |
| Phải trả nhà<br>cung cấp khác   | 5.385.887.806         | 5.385.887.806            | 6.280.594.938         | 6.280.594.938            |
|   | <b>36.180.089.439</b> | <b>36.180.089.439</b>    | <b>24.372.939.227</b> | <b>24.372.939.227</b>    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ**

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                                  | Số phải thu đầu năm  |                       | Số phải nộp đầu năm    |                        | Số đã thực nộp trong năm |                      | Số phải thu cuối năm |                       | Số phải nộp cuối năm  |                       |
|----------------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                  | VND                  | VND                   | VND                    | VND                    | VND                      | VND                  | VND                  | VND                   | VND                   | VND                   |
| Thuế Giá trị gia tăng (*)        | -                    | -                     | 17.625.009.947         | 17.625.009.947         | 17.625.009.947           | -                    | -                    | -                     | -                     | -                     |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp       | -                    | 18.077.086.367        | 67.777.751.049         | 67.777.751.049         | 74.537.334.060           | -                    | -                    | 11.317.503.356        | -                     | 11.317.503.356        |
| Thuế Thu nhập cá nhân            | -                    | 1.087.835.497         | 13.802.035.119         | 13.802.035.119         | 14.171.977.129           | -                    | -                    | 717.893.487           | -                     | 717.893.487           |
| Thuế Nhà đất, tiền thuê đất (**) | 2.190.188.100        | -                     | 5.110.437.900          | 5.110.437.900          | 5.110.438.200            | -                    | -                    | 2.190.188.400         | -                     | 2.190.188.400         |
| Các loại thuế khác               | -                    | -                     | 180.109.100            | 180.109.100            | 180.109.100              | -                    | -                    | -                     | -                     | -                     |
|                                  | <b>2.190.188.100</b> | <b>19.164.921.864</b> | <b>104.495.343.115</b> | <b>104.495.343.115</b> | <b>111.624.868.436</b>   | <b>2.190.188.400</b> | <b>2.190.188.400</b> | <b>12.035.396.843</b> | <b>12.035.396.843</b> | <b>12.035.396.843</b> |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(\*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong năm là số sau khi đã bù trừ với số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ trong năm là 24.964.993.213 đồng.

(\*\*) Ngày 11 tháng 01 năm 2024, Cục trưởng Cục thuế thành phố Hải Phòng đã ban hành quyết định số 127/QĐ-CTHPH về việc giảm tiền thuế đất năm 2023 của Công ty theo quy định của Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ với số tiền 2.190.188.100 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ**

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|                                | 31/12/2023         | 01/01/2023        |
|--------------------------------|--------------------|-------------------|
|                                | VND                | VND               |
| - Cước dịch vụ viễn thông      | 24.126.344         | 21.681.905        |
| - Chi phí tiền điện            | 211.644.596        | -                 |
| - Chi phí quan trắc môi trường | 115.000.000        | -                 |
| - Chi phí phải trả khác        | 43.166.667         | -                 |
|                                | <b>393.937.607</b> | <b>21.681.905</b> |

**16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

|   | 31/12/2023             | 01/01/2023           |
|---|------------------------|----------------------|
|   | VND                    | VND                  |
| - Kinh phí công đoàn                    | 246.554.834            | 217.780.118          |
| - Bảo hiểm thất nghiệp                  | 12.905.158             | 13.069.894           |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả            | 101.764.939.350        | 1.786.669.350        |
| - Phải trả tiền bảo hành cần trực Tukan | 2.852.959.583          | -                    |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác     | 4.470.813.228          | 4.650.633.528        |
|   | <b>109.348.172.153</b> | <b>6.668.152.890</b> |

**17 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|   | 31/12/2023            | 01/01/2023            |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| - Dự phòng chi phí sửa chữa tài sản cố định             | 22.737.200.000        | 4.000.000.000         |
| + <i>Dự phòng chi phí sửa chữa cần trực STS01</i>       | 4.192.000.000         | -                     |
| + <i>Dự phòng chi phí sửa chữa tài sản cố định khác</i> | 18.545.200.000        | 4.000.000.000         |
| - Dự phòng chi phí nạo vét trước bến                    | 9.421.000.000         | 4.000.000.000         |
| - Dự phòng quỹ tiền lương                               | 16.018.000.000        | 6.160.188.100         |
|   | <b>48.176.200.000</b> | <b>14.160.188.100</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ**

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                              | Vốn đầu tư của chủ sở hữu |                        | Vốn khác của chủ sở hữu |                        | Quỹ đầu tư phát triển  |                        | Lợi nhuận chưa phân phối |                        | Tổng                     |                          |
|------------------------------|---------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                              | VND                       | VND                    | VND                     | VND                    | VND                    | VND                    | VND                      | VND                    | VND                      | VND                      |
| <b>Số dư đầu năm trước</b>   | <b>400.000.000.000</b>    | <b>400.000.000.000</b> | <b>137.307.173.950</b>  | <b>137.307.173.950</b> | <b>448.338.970.866</b> | <b>448.338.970.866</b> | <b>387.307.270.507</b>   | <b>387.307.270.507</b> | <b>1.372.953.415.323</b> | <b>1.372.953.415.323</b> |
| Lãi trong năm trước          | -                         | -                      | -                       | -                      | -                      | -                      | 283.380.354.744          | 283.380.354.744        | 283.380.354.744          | 283.380.354.744          |
| Phân phối lợi nhuận          | -                         | -                      | -                       | -                      | 43.626.799.699         | 43.626.799.699         | (277.126.799.699)        | (277.126.799.699)      | (233.500.000.000)        | (233.500.000.000)        |
| Tạm ứng cổ tức năm 2022      | -                         | -                      | -                       | -                      | -                      | -                      | (40.000.000.001)         | (40.000.000.001)       | (40.000.000.001)         | (40.000.000.001)         |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>  | <b>400.000.000.000</b>    | <b>400.000.000.000</b> | <b>137.307.173.950</b>  | <b>137.307.173.950</b> | <b>491.965.770.565</b> | <b>491.965.770.565</b> | <b>353.560.825.551</b>   | <b>353.560.825.551</b> | <b>1.382.833.770.066</b> | <b>1.382.833.770.066</b> |
| <b>Số dư đầu năm nay</b>     | <b>400.000.000.000</b>    | <b>400.000.000.000</b> | <b>137.307.173.950</b>  | <b>137.307.173.950</b> | <b>491.965.770.565</b> | <b>491.965.770.565</b> | <b>353.560.825.551</b>   | <b>353.560.825.551</b> | <b>1.382.833.770.066</b> | <b>1.382.833.770.066</b> |
| Lãi trong năm nay            | -                         | -                      | -                       | -                      | -                      | -                      | 330.679.107.837          | 330.679.107.837        | 330.679.107.837          | 330.679.107.837          |
| Phân phối lợi nhuận (*)      | -                         | -                      | -                       | -                      | -                      | -                      | (237.500.000.000)        | (237.500.000.000)      | (237.500.000.000)        | (237.500.000.000)        |
| Tạm ứng cổ tức năm 2023 (**) | -                         | -                      | -                       | -                      | -                      | -                      | (100.000.000.000)        | (100.000.000.000)      | (100.000.000.000)        | (100.000.000.000)        |
| Điều chỉnh khác (***)        | -                         | -                      | (13.680.000.000)        | (13.680.000.000)       | 13.680.000.000         | 13.680.000.000         | -                        | -                      | -                        | -                        |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>    | <b>400.000.000.000</b>    | <b>400.000.000.000</b> | <b>123.627.173.950</b>  | <b>123.627.173.950</b> | <b>505.645.770.565</b> | <b>505.645.770.565</b> | <b>346.739.933.388</b>   | <b>346.739.933.388</b> | <b>1.376.012.877.903</b> | <b>1.376.012.877.903</b> |

(\*) Theo Nghị quyết số 16/NQ-DHĐCD ngày 12 tháng 06 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

|  | Tỷ lệ | Số tiền         |
|--|-------|-----------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | %     | VND             |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi          | 100   | 283.380.354.744 |
| Chi trả cổ tức (bằng 60% vốn điều lệ)    | 13,23 | 37.500.000.000  |
| Lợi nhuận chưa phân phối                 | 84,69 | 240.000.000.000 |
|  | 2,08  | 5.880.354.744   |

(\*\*) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 35/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 11 năm 2023, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt với tỷ lệ 25% vốn điều lệ, ngày đăng ký cuối cùng là 19 tháng 12 năm 2023, cổ tức được thanh toán vào ngày 12 tháng 01 năm 2024.

(\*\*\*) Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ đã giải thể và chuyển trả lại phần vốn góp cho Công ty (thông tin chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 4 - Các khoản đầu tư tài chính). Nguồn hình thành khoản đầu tư được trích từ nguồn quỹ đầu tư phát triển.

11/2/2024 10:00:00 AM

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ**

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

|                                 | Tỷ lệ (%)  | Cuối năm VND           | Tỷ lệ (%)  | Đầu năm VND            |
|---------------------------------|------------|------------------------|------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng  | 51,00      | 204.000.000.000        | 51,00      | 204.000.000.000        |
| Công ty Cổ phần Vật tư nông sản | 18,70      | 74.800.000.000         | 18,70      | 74.800.000.000         |
| America LLC                     | 7,60       | 30.402.100.000         | 2,03       | 8.131.100.000          |
| Các cổ đông khác                | 22,70      | 90.797.900.000         | 28,27      | 113.068.900.000        |
|                                 | <b>100</b> | <b>400.000.000.000</b> | <b>100</b> | <b>400.000.000.000</b> |

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

|   | Năm 2023 VND           | Năm 2022 VND           |
|---|------------------------|------------------------|
| - <i>Vốn góp đầu năm</i>                        | <u>400.000.000.000</u> | <u>400.000.000.000</u> |
| - <i>Vốn góp cuối năm</i>                       | <u>400.000.000.000</u> | <u>400.000.000.000</u> |
| Cổ tức:   |                        |                        |
| - <i>Cổ tức phải trả đầu năm</i>                | 1.786.669.350          | 1.682.829.350          |
| - <i>Cổ tức phải trả trong năm</i>              | 300.000.000.000        | 240.000.000.000        |
| + <i>Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước</i>   | 200.000.000.000        | 200.000.000.000        |
| + <i>Cổ tức tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i> | 100.000.000.000        | 40.000.000.000         |
| - <i>Cổ tức đã chi trả bằng tiền</i>            | (200.021.730.000)      | (239.896.160.000)      |
| + <i>Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước</i>   | (200.021.730.000)      | (199.896.160.000)      |
| + <i>Cổ tức tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i> | -                      | (40.000.000.000)       |
| - <i>Cổ tức còn phải trả cuối năm</i>           | <u>101.764.939.350</u> | <u>1.786.669.350</u>   |

**d) Cổ phiếu**

|  | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành              | 40.000.000 | 40.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ | 40.000.000 | 40.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                      | 40.000.000 | 40.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                  | 40.000.000 | 40.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                      | 40.000.000 | 40.000.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)            | 10.000     | 10.000     |

**e) Các quỹ công ty**

|                       | 31/12/2023 VND         | 01/01/2023 VND         |
|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 505.645.770.565        | 491.965.770.565        |
|                       | <b>505.645.770.565</b> | <b>491.965.770.565</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ**Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Theo hợp đồng số 03/HĐTĐ ngày 09 tháng 01 năm 2006, UBND thành phố Hải Phòng cho Công ty thuê khu đất tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với diện tích là 221.415 m<sup>2</sup> với thời hạn thuê là 40 năm (từ ngày 19 tháng 08 năm 2002 đến ngày 19 tháng 08 năm 2042). Căn cứ quyết định số 4120/QĐ - CT của Cục thuế thành phố Hải Phòng ngày 03 tháng 12 năm 2014, Công ty được miễn tiền thuê đất của lô đất trên trong 15 năm (từ tháng 03 năm 2005 đến hết tháng 02 năm 2020). Sau thời gian được miễn giảm tiền thuê đất, Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo hàng năm.

Theo hợp đồng thuê đất số 27/2015/HĐTĐ - MP ký ngày 12 tháng 06 năm 2015 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương, Công ty được thuê 44.417 m<sup>2</sup> tại Khu Công nghiệp MP Đình Vũ với thời hạn thuê là 43 năm tính từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2057. Tổng giá trị tiền thuê cho toàn bộ thời gian thuê là 35.292.100.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%) và Công ty đã thanh toán toàn bộ số tiền này như thông tin đã trình bày tại Thuyết minh số 10b.

**b) Ngoại tệ các loại**

|                       | <u>31/12/2023</u> | <u>01/01/2023</u> |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| - Đồng đô la Mỹ (USD) | 94.792,35         | 387.210,87        |
| - Đồng Euro (EUR)     | 5,14              | 5,14              |

**c) Nợ khó đòi đã xử lý**

|  | <u>31/12/2023</u> | <u>01/01/2023</u> |
|--|-------------------|-------------------|
|  | VND               | VND               |
| Các khoản nợ được xử lý theo quy chế tài chính | 1.786.179.934     | 1.786.179.934     |

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|   | <u>Năm 2023</u>        | <u>Năm 2022</u>        |
|---|------------------------|------------------------|
|   | VND                    | VND                    |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ                            | 549.212.097.848        | 584.923.614.755        |
|   | <u>549.212.097.848</u> | <u>584.923.614.755</u> |
| <b>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</b>  | <u>14.571.388.613</u>  | <u>15.995.887.396</u>  |
| <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)</i> |                        |                        |

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|   | <u>Năm 2023</u>        | <u>Năm 2022</u>        |
|---|------------------------|------------------------|
|   | VND                    | VND                    |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp                       | 321.626.728.199        | 274.417.319.276        |
|   | <u>321.626.728.199</u> | <u>274.417.319.276</u> |
| <b>Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan</b>        |                        |                        |
| <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)</i> |                        |                        |
| <b>Tổng giá trị mua vào:</b>                          | <u>8.364.843.214</u>   | <u>12.366.468.218</u>  |
| <i>Trong đó:</i>                                      |                        |                        |
| + Đã kết chuyển vào giá vốn hàng bán                  | 8.364.843.214          | 12.366.468.218         |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ**

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|   | Năm 2023               | Năm 2022              |
|---|------------------------|-----------------------|
|   | VND                    | VND                   |
| Lãi tiền gửi  | 85.111.335.819         | 55.070.805.294        |
| Lãi thu được từ công ty liên kết trả lại do giải thể                | 5.444.640.000          | -                     |
| Lợi nhuận được chia   | 60.935.947.580         | 39.034.684.367        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm                           | 4.532.614.471          | 5.005.080.552         |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm                | 431.919.111            | -                     |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác                                  | 307.277                | 2.422.600             |
|   | <b>156.456.764.258</b> | <b>99.112.992.813</b> |
| <b>Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan</b> | <b>66.380.587.580</b>  | <b>39.034.684.367</b> |

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)*

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|   | Năm 2023           | Năm 2022             |
|---|--------------------|----------------------|
|   | VND                | VND                  |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm            | 243.515.043        | 188.102.289          |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm | -                  | 980.705.147          |
|   | <b>243.515.043</b> | <b>1.168.807.436</b> |

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|  | Năm 2023              | Năm 2022              |
|--|-----------------------|-----------------------|
|  | VND                   | VND                   |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu                      | 53.324.140            | 26.021.223            |
| Chi phí nhân công                                  | 43.180.416.830        | 40.106.704.935        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định                   | 2.279.618.416         | 2.155.452.233         |
| Hoàn nhập dự phòng                                 | -                     | (231.511.467)         |
| Chi phí khác bằng tiền                             | 24.299.161.170        | 20.554.201.456        |
|  | <b>69.812.520.556</b> | <b>62.610.868.380</b> |
| <b>Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan</b> | <b>431.015.400</b>    | <b>553.790.000</b>    |

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)*

**25 . THU NHẬP KHÁC**

|  | Năm 2023               | Năm 2022           |
|--|------------------------|--------------------|
|  | VND                    | VND                |
| Tiền đền bù sự cố tàu Tiger Maanshan va chạm vào cần trục STS 01 (*) | 128.917.500.000        | -                  |
| Khoản phạt chậm giao hàng  | 5.130.208.295          | -                  |
| Tiền bồi thường  | -                      | 184.536.000        |
| Thu nhập khác  | 23.556.086             | 32.676.432         |
|  | <b>134.071.264.381</b> | <b>217.212.432</b> |

(\*) Theo thỏa thuận giải quyết ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa Công ty, Công ty TNHH Tiger Gas (HK) và Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ về sự cố tàu Tiger Maanshan va chạm vào cần trục STS 01 làm cần trục này di chuyển và va chạm vào cần trục STS 02 của Cảng Đình Vũ ngày 10 tháng 08 năm 2022, Công ty TNHH Tiger Gas (HK) chấp nhận bồi thường cho Công ty số tiền 5.500.000 USD cho toàn bộ thiệt hại phát sinh. Đến ngày 06 tháng 01 năm 2023, Công ty đã nhận đủ số tiền bồi thường theo thỏa thuận này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ**Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**26 . CHI PHÍ KHÁC**

|  | Năm 2023              | Năm 2022             |
|--|-----------------------|----------------------|
|  | VND                   | VND                  |
| Chi phí sửa chữa và chi phí liên quan sự cố tàu Tiger Maanshan va chạm vào cần trục STS 01 (*) | 49.591.562.852        | 1.001.306.238        |
| Chi phí khác   | 8.940.951             | -                    |
|  | <b>49.600.503.803</b> | <b>1.001.306.238</b> |
| <b>Trong đó: Chi phí khác mua từ các bên liên quan</b>   | <b>21.418.568.408</b> | <b>-</b>             |

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)*

(\*) Bao gồm chi phí di chuyển và sửa chữa cần trục STS 01 theo báo cáo tư vấn xác định thiệt hại và báo giá sửa chữa của nhà cung cấp, chi phí sửa chữa đường ray cần trục và chi phí thuê cần trục thay thế trong thời gian cần trục STS 01 sửa chữa.

**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|  | Năm 2023              | Năm 2022              |
|--|-----------------------|-----------------------|
|  | VND                   | VND                   |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 398.456.858.886       | 345.055.518.670       |
| Các khoản điều chỉnh tăng  | 1.718.747.142         | 2.354.985.327         |
| - Chi phí không hợp lệ   | 1.656.540.951         | 1.374.280.180         |
| - Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm   | 62.206.191            | 980.705.147           |
| Các khoản điều chỉnh giảm  | (61.430.072.882)      | (39.034.684.367)      |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia  | (60.935.947.580)      | (39.034.684.367)      |
| - Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm   | (494.125.302)         | -                     |
| Thu nhập chịu thuế TNDN  | 338.745.533.146       | 308.375.819.630       |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>   | <b>67.749.106.629</b> | <b>61.675.163.926</b> |
| Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay | 28.644.420            | -                     |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm  | 18.077.086.367        | 14.864.440.751        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm  | (74.537.334.060)      | (58.462.518.310)      |
| <b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>   | <b>11.317.503.356</b> | <b>18.077.086.367</b> |

**28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

|   | Năm 2023        | Năm 2022        |
|---|-----------------|-----------------|
|   | VND             | VND             |
| Lợi nhuận thuần sau thuế                        | 330.679.107.837 | 283.380.354.744 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông        | 330.679.107.837 | 283.380.354.744 |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm | 40.000.000      | 40.000.000      |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                 | <b>8.267</b>    | <b>7.085</b>    |

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ**Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                  | Năm 2023               | Năm 2022               |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                  | VND                    | VND                    |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 19.352.714.511         | 24.717.422.797         |
| Chi phí nhân công                | 163.006.634.673        | 136.812.089.678        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 53.170.644.733         | 49.040.629.180         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 58.247.970.974         | 75.393.420.006         |
| Chi phí khác bằng tiền           | 97.661.283.864         | 51.296.137.462         |
| Hoàn nhập dự phòng               | -                      | (231.511.467)          |
|                                  | <b>391.439.248.755</b> | <b>337.028.187.656</b> |

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như biến động tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ**

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

|                                    | Từ 1 năm<br>trở xuống<br>VND | Trên 1 năm<br>đến 5 năm<br>VND | Trên 5 năm<br>VND | Cộng<br>VND              |
|------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|--------------------------|
| <b>Tại ngày 31/12/2023</b>         |                              |                                |                   |                          |
| Tiền                               | 14.251.942.612               | -                              | -                 | 14.251.942.612           |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 65.307.673.514               | 122.986.000                    | -                 | 65.430.659.514           |
| Các khoản cho vay                  | 1.145.000.000.000            | -                              | -                 | 1.145.000.000.000        |
|                                    | <u>1.224.559.616.126</u>     | <u>122.986.000</u>             | <u>-</u>          | <u>1.224.682.602.126</u> |
| <b>Tại ngày 01/01/2023</b>         |                              |                                |                   |                          |
| Tiền                               | 37.122.474.736               | -                              | -                 | 37.122.474.736           |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 83.558.239.930               | 158.986.000                    | -                 | 83.717.225.930           |
| Các khoản cho vay                  | 1.053.000.000.000            | -                              | -                 | 1.053.000.000.000        |
|                                    | <u>1.173.680.714.666</u>     | <u>158.986.000</u>             | <u>-</u>          | <u>1.173.839.700.666</u> |

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

|                                   | Từ 1 năm<br>trở xuống<br>VND | Trên 1 năm<br>đến 5 năm<br>VND | Trên 5 năm<br>VND | Cộng<br>VND            |
|-----------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| <b>Tại ngày 31/12/2023</b>        |                              |                                |                   |                        |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 145.528.261.592              | -                              | -                 | 145.528.261.592        |
| Chi phí phải trả                  | 393.937.607                  | -                              | -                 | 393.937.607            |
|                                   | <u>145.922.199.199</u>       | <u>-</u>                       | <u>-</u>          | <u>145.922.199.199</u> |
| <b>Tại ngày 01/01/2023</b>        |                              |                                |                   |                        |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 31.041.092.117               | -                              | -                 | 31.041.092.117         |
| Chi phí phải trả                  | 21.681.905                   | -                              | -                 | 21.681.905             |
|                                   | <u>31.062.774.022</u>        | <u>-</u>                       | <u>-</u>          | <u>31.062.774.022</u>  |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngoài sự kiện đã được công bố tại Thuyết minh số 14 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ**Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

| <u>Bên liên quan</u>  | <u>Mối quan hệ</u>  |
|---|---|
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP   | Công ty mẹ tối cao  |
| Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng  | Công ty mẹ trực tiếp  |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ  | Công ty liên kết  |
| Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ  | Công ty liên kết  |
| Công ty Cổ phần VIMC Logistics  | Công ty con cùng tập đoàn   |
| Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải   | Công ty con cùng tập đoàn   |
| Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam  | Công ty con cùng tập đoàn   |
| Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình hàng hải   | Công ty con cùng tập đoàn   |
| Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ Cao   | Công ty con cùng tập đoàn   |
| Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Biển Đông   | Công ty con cùng tập đoàn   |
| Công ty TNHH Khai thác container Việt Nam   | Công ty con cùng tập đoàn   |
| Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng   | Công ty con cùng tập đoàn   |
| Công ty TNHH Một thành viên Đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng                       | Công ty con cùng tập đoàn   |
| Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng                                   | Công ty con cùng tập đoàn   |
| Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô  | Công ty liên kết của Công ty mẹ tối cao   |
| Công ty Cổ phần Đại lý tàu biển và Logistics Vosco  | Công ty liên kết của Công ty mẹ tối cao   |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco   | Công ty liên kết của Công ty mẹ tối cao   |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại   | Công ty liên kết của Công ty mẹ tối cao   |
| Công ty Cổ phần HPH Logistics   | Công ty liên kết của Công ty mẹ trực tiếp   |
| Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật - Việt  | Công ty liên kết của Công ty mẹ tối cao   |
| Công ty Cổ phần Vật tư nông sản   | Ông Nguyễn Tiến Dũng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này   |
| Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Sân golf Chí Linh   | Ông Nguyễn Tiến Dũng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này   |
| Công ty TNHH Một thành viên Supe Lân Apromaco Lào Cai                                       | Ông Nguyễn Tiến Dũng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty này |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại hàng hải Hải Phòng                                     | Ông Chu Minh Hoàng - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này       |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Cảng Hải Phòng   | Cùng chung Thành viên Hội đồng quản trị là ông Nguyễn Việt Hải  |
| Công ty Cổ phần Vận tải container Đông Đô - Cảng Hải Phòng                                  | Cùng chung Trưởng Ban kiểm soát là bà Trần Thị Thanh Hải  |
| Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty |   |

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ**Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

|  | Năm 2023              | Năm 2022              |
|--|-----------------------|-----------------------|
|  | VND                   | VND                   |
| <b>Doanh thu</b>   | <b>14.571.388.613</b> | <b>15.995.887.396</b> |
| Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng   | -                     | 4.468.026.854         |
| Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ   | 416.829.000           | 728.822.000           |
| Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải  | 227.155.000           | 1.080.000             |
| Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam   | 12.428.523.414        | 8.828.696.734         |
| Công ty Cổ phần VIMC Logistics   | 998.766.000           | 104.858.824           |
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP  | 291.712.563           | 1.417.032.456         |
| Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ Cao  | 71.480.000            | 78.037.364            |
| Công ty TNHH Khai thác container Việt Nam  | 3.780.000             | 219.841.364           |
| Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Biển Đông  | -                     | 1.380.000             |
| Công ty Cổ phần HPH Logistics  | 3.790.000             | 2.220.800             |
| Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô   | 12.050.000            | 18.480.000            |
| Công ty Cổ phần Đại lý tàu biển và Logistics Vosco   | 23.625.000            | 920.000               |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco  | 363.636               | -                     |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại  | 3.680.000             | -                     |
| Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật - Việt   | 71.009.000            | 74.590.000            |
| Công ty Cổ phần Vật tư nông sản  | 18.625.000            | 51.901.000            |
| <b>Mua dịch vụ</b>   | <b>30.214.427.022</b> | <b>12.920.258.218</b> |
| Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng   | 26.952.012.622        | 9.562.073.218         |
| Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng  | 1.571.250.000         | 1.850.700.000         |
| Công ty TNHH MTV Đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng   | 69.300.000            | 312.900.000           |
| Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng   | 431.015.400           | 337.790.000           |
| Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam   | 90.708.000            | 82.752.000            |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco  | 1.100.141.000         | 774.043.000           |
| <b>Lợi nhuận được nhận</b>   | <b>60.935.947.580</b> | <b>39.034.684.367</b> |
| Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ   | 60.935.947.580        | 39.034.684.367        |
| Lãi thu được từ công ty liên kết trả lại do giải thể   | 5.444.640.000         | -                     |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ   | 5.444.640.000         | -                     |
| <b>Cho mượn vật tư</b>   | <b>-</b>              | <b>1.975.800.000</b>  |
| Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng   | -                     | 1.975.800.000         |
| <b>Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty:</b> | <b>6.620.533.206</b>  | <b>6.498.765.515</b>  |
| Ông Vũ Tuấn Dương - Chủ tịch Hội đồng quản trị   | 1.695.149.246         | 1.721.859.913         |
| Ông Nguyễn Tiến Dũng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị  | 320.000.000           | 307.520.000           |
| Ông Chu Minh Hoàng - Thành viên Hội đồng quản trị  | 300.000.000           | 288.300.000           |
| Ông Cao Văn Tĩnh - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc   | 2.000.282.623         | 2.015.559.720         |
| Ông Nguyễn Việt Hải - Thành viên Hội đồng quản trị   | 300.000.000           | 288.300.000           |
| Người quản lý và điều hành khác  | 2.005.101.337         | 1.877.225.882         |
| <b>Thu nhập của các thành viên trong Ban Kiểm soát</b>   | <b>620.000.000</b>    | <b>595.820.000</b>    |

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ**

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**33 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lê Thị Hải Thành  
Người lập



Đoàn Minh Trung  
Kế toán trưởng



Cao Văn Tĩnh  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 02 năm 2024

